



CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101394512 do sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/3/2010

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2018

THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (PVMACHINO) trân trọng kính mời Ông/Bà đến dự: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018.

1. **Thời gian:** 08h00' ngày 24 tháng 4 năm 2018.
2. **Địa điểm:** Tầng 27, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1 Khu Đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
2. **Nội dung:**
 - 2.1. Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018;
 - 2.2. Báo cáo của Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018;
 - 2.3. Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2017 và triển khai kế hoạch năm 2018;
 - 2.4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
 - 2.5. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017;
 - 2.6. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018;
 - 2.7. Tờ trình quyết toán tiền lương/thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2017 và phương án chi trả tiền lương/thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018;
 - 2.8. Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD năm 2018;
 - 2.9. Tờ trình lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018;
 - 2.10. Tờ trình thông qua quy chế nội bộ về Quản trị Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí;
 - 2.11. Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Thời gian: Từ 8h00 ngày 24/4/2018

Địa điểm: Tầng 27, Tòa nhà CEO đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội

THỜI GIAN	NỘI DUNG LÀM VIỆC
08h00 - 08h30	- Đón tiếp đại biểu, cổ đông.
	- Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách các cổ đông có mặt.
	- Phát tài liệu và Thẻ biểu quyết.
08h30 - 08h35	- Ổn định tổ chức Đại hội.
	- Chào cờ, tuyên bố lý do và khai mạc, giới thiệu thành phần tham dự.
08h35 - 08h40	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
08h40 - 08h45	- Giới thiệu thành phần Đoàn Chủ tịch và lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội.
	- Giới thiệu thành phần Thư ký Đại hội và lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội.
	- Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu và lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội.
08h45 - 08h50	- Thông qua Chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội và lấy ý kiến biểu quyết thông qua.
08h50 - 09h20	- Báo cáo của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
	- Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2017 và triển khai kế hoạch năm 2018.
	- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.
09h20 - 10h00	- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017.
	- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.
	- Tờ trình lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
	- Tờ trình quyết toán thù lao/tiền lương của HĐQT, BKS năm 2017 và phương án chi trả thù lao/tiền lương HĐQT, BKS năm 2018.
	- Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD năm 2018.
	- Tờ trình thông qua quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí.
	- Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty.
10h00 - 10h30	- Đại hội thảo luận các nội dung

THỜI GIAN	NỘI DUNG LÀM VIỆC
10h30 - 10h40	- Đại diện Lãnh đạo Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam phát biểu ý kiến.
10h40 - 11h20	Biểu quyết về các nội dung tại đại hội:
	- Báo cáo của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
	- Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2017 và triển khai kế hoạch năm 2018.
	- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.
	- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017.
	- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.
	- Lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.
	- Quyết toán thù lao/tiền lương HĐQT, BKS năm 2017 và phương án chi trả thù lao/tiền lương HĐQT, BKS năm 2018.
	- Kế hoạch SXKD năm 2018.
	- Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí.
- Sửa đổi Điều lệ Công ty.	
11h20 - 11h30	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
	- Bế mạc, chào cờ.

3. **Điều kiện tham dự Đại hội:** Tất cả Cổ đông sở hữu cổ phần của PVMACHINO theo danh sách chốt cổ đông ngày 30/3/2018 hoặc người được ủy quyền hợp lệ.
4. **Xác nhận tham dự Đại hội:** Để Đại hội được tổ chức thành công, đề nghị Quý cổ đông xác nhận tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội (theo mẫu Giấy xác nhận/Ủy quyền đính kèm) gửi về PVMACHINO trước 16h00' ngày 20/4/2018.
5. **Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội mang theo các giấy tờ sau:**
 - Thư mời họp.
 - Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu.
 - Giấy xác nhận/Ủy quyền tham dự
6. **Các tài liệu liên quan đến Đại hội** được đăng tải trên trang Web của Công ty tại địa chỉ: <http://www.pvmachino.vn>
7. **Mọi chi tiết liên quan đến Đại hội, Quý cổ đông xin liên hệ:**
 - Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí: Tầng 13, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1 Khu Đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
 - Người tiếp nhận: Ông Nguyễn Anh Dũng – Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư (SĐT: 0936813333).
 - Số điện thoại: 024.38260344 Ext.116 Fax: 024.38254050

Mọi chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí khác do Cổ đông tự chi trả.

Trân trọng kính mời./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiệp



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

**GIẤY XÁC NHẬN/ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Tên cá nhân/tổ chức:

Mã số cổ đông:

Số CMND/GCNDKKD:..... ngày cấp..... nơi cấp

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tổng số cổ phần sở hữu:cổ phần (bằng chữ:.....)

Nay xác nhận:

Đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Không tham dự Đại hội và ủy quyền cho:

Ông/Bà: (Chức vụ tại tổ chức (nếu có):.....)

Số CMND:..... ngày cấp:.....nơi cấp:

Địa chỉ:

(* *Hoặc một trong những thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí có tên dưới đây:*

Ông Phạm Văn Hiệp - Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Đình Trung - Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty

Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thành viên HĐQT

Bà Tô Ngọc Tuyết - Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Việt Hưng - Thành viên HĐQT

Nội dung ủy quyền.

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan tới số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền này./.

Người được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền (hoặc đăng ký dự)
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2018

**QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014;
Căn cứ Luật Chứng khoán được Quốc hội khóa XI thông qua ngày
23/6/2006;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí;

I. MỤC TIÊU.

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

II. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI.

- Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận Thẻ biểu quyết.
- Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp của Ban tổ chức Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự.
- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.
- Cổ đông thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo vệ tài liệu Đại hội.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI.

1. Nguyên tắc.

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện.
- Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông/cổ đông được uỷ quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và uỷ quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty.

- Trường hợp nội dung Thẻ biểu quyết của cổ đông ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi.

- Các nội dung được thông qua hình thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết.

2. Cách biểu quyết.

Mỗi vấn đề được thông qua tại Đại hội được biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ trực tiếp đếm số biểu quyết đồng ý/không đồng ý/ý kiến khác, tổng hợp kết quả biểu quyết và báo cáo Đại hội.

3. Thông qua quyết định của Đại hội cổ đông.

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp hoặc được ủy quyền đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.

Các vấn đề được biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi:

- Thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, quyết định loại cổ phiếu và tổng số cổ phần được quyền chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tính trên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất : Đạt ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

- Thông qua các vấn đề khác: đạt ít nhất 51% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI.

1. Nguyên tắc.

Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn Chủ tịch (thông qua Thư ký Đại hội), và được sự đồng ý của Chủ tịch Đoàn.

2. Cách thức phát biểu

Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tịch Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH.

- Thành phần: Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, được giới thiệu và lấy ý kiến biểu quyết tại Đại hội. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch đoàn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt xin ý kiến Đại hội để bầu ra Đoàn Chủ tịch/Chủ

tịch đoàn. Chủ tịch đoàn không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp bầu Chủ tịch đoàn, tên Chủ tịch đoàn được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tịch đoàn phải được công bố.

- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
- + Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông của Công ty theo chương trình Đại hội dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- + Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
- + Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.
- + Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
- + Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
- + Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu (nếu có) sẽ do Đoàn Chủ tịch giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Công ty đề cử. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện kiểm tra tư cách cổ đông và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra tư cách.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI.

- Ban Thư ký Đại hội do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết. Ban Thư ký có nhiệm vụ sau:
- + Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý của Đại hội.
- + Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, nghị quyết của Đại hội.
- + Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.
- + Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Ban Thư ký ghi chép đầy đủ vào Biên bản họp Đại hội và thông qua Đại hội trước khi bế mạc.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU.

- Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cổ đông. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
- + Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc thực hiện biểu quyết.

- + Thu phiếu và tiến hành kiểm phiếu.
- + Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
- + Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về bầu cử.

Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiệp

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

I. Đánh giá tình hình hoạt động năm 2017

1. Tình hình chung

Năm 2017, mặc dù Công ty còn nhiều khó khăn, tuy nhiên được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi và sự hỗ trợ kịp thời của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, cùng với sự cố gắng, phấn đấu nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo, CBCNV Công ty, PVMACHINO đã hoàn thành, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch. Tỷ trọng doanh thu, lợi nhuận trong lĩnh vực cung cấp vật tư, thiết bị cho các dự án ngày một tăng lên. Doanh thu trong ngành đạt gần 10% tổng doanh thu, đây là tiền đề quan trọng để Công ty tiếp tục vững bước phát triển trong thời gian tới.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hướng dẫn hiện hành để thực thi các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó. Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên:

- Ông Phạm Văn Hiệp Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Đình Trung Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty
- Ông Nguyễn Minh Tuấn Ủy viên HĐQT
- Bà Tô Ngọc Tuyết Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Việt Hưng Ủy viên HĐQT

2.1. Công tác sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2017	TH 2017	
				Giá trị	%so với KH năm
1	Tổng Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	750,00	989,74	132%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2017	TH 2017	
				Giá trị	%so với KH năm
	Trong đó: Công ty mẹ	nt	720,00	764,91	106%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	27,50	29,16	106%
	Trong đó: Công ty mẹ	nt	27,50	29,62	108%
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	27,50	28,84	105%
	Trong đó: Công ty mẹ	nt	27,50	29,62	108%
4	Nộp ngân sách nhà nước	nt	5,50	11,30	205%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6	6	100%

*** Phân tích các chỉ tiêu:**

- **Doanh thu:** năm 2017 tổng doanh thu hợp nhất vượt mức kế hoạch 32%, trong đó Công ty mẹ đạt doanh thu 764,91 tỷ đồng vượt mức 6% so với Kế hoạch.
- **Lợi nhuận:** năm 2017 tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế vượt mức kế hoạch 5%, trong đó Công ty mẹ đạt lợi nhuận sau thuế là 29,62 tỷ đồng vượt mức 8% so với Kế hoạch.

2.2. Công tác tổ chức bộ máy và tái cấu trúc Công ty.

Về tổ chức bộ máy:

Bộ máy tổ chức của Công ty tương đối gọn nhẹ, hệ thống quy chế, quy định nội bộ Công ty được cập nhật thường xuyên đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã ban hành tổng số 28 quy chế, quy định nội bộ.

Công ty thường xuyên tổ chức, tạo điều kiện cho CBCNV tham gia các lớp đào tạo, tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý đáp ứng yêu cầu của Công ty.

Về công tác tái cấu trúc:

PVMACHINO đã và đang tiếp tục theo dõi, tập trung hỗ trợ và xử lý các vấn đề tài chính tại Công ty TNHH MTV Máy – Thiết bị Dầu khí Sài Gòn. Năm 2017 Công ty TNHH MTV Máy – Thiết bị Dầu khí Sài Gòn đã có chuyển biến tích cực, dần ổn định hoạt động kinh doanh và bước đầu đã tự trang trải được chi

phí thường xuyên tại đơn vị. Công ty sẽ tiến hành tái cơ cấu đơn vị này khi đáp ứng đủ điều kiện và yêu cầu.

2.3. Công tác tài chính và thu hồi công nợ.

Ban thu hồi công nợ do Chủ tịch hội đồng quản trị làm trưởng ban, thường xuyên theo dõi, chỉ đạo sát sao Ban điều hành, cùng với đơn vị Tư vấn pháp lý thường kỳ họp, đánh giá, đưa ra các biện pháp thu hồi công nợ. Tuy nhiên, kết quả thu hồi công nợ năm 2017 còn nhiều hạn chế, tổng số công nợ thu được là 3,271 tỷ đồng, tương đương 17 % so với mục tiêu đề ra, nguyên nhân chủ yếu:

- Do việc thu hồi nợ bằng tài sản của khách hàng phải tiến hành nhiều thủ tục pháp lý liên quan, mặt khác việc đánh giá phương án sử dụng/kinh doanh tài sản thu hồi được cũng cần phải xem xét kỹ nên ảnh hưởng đến tiến độ thu hồi nợ.
- Đối với các khoản nợ đã khởi kiện pháp lý phụ thuộc khách quan vào tiến độ thụ lý hồ sơ và trình tự xét xử của cơ quan tố tụng.

2.4. Công tác khai thác cơ sở vật chất sẵn có, hợp tác đầu tư.

- Hợp tác đầu tư tại khu đất Đông Anh, Hà Nội:
Việc triển khai Hợp đồng hợp tác đầu tư tại khu đất 2,36ha - Đông Anh, Hà Nội còn chậm do chưa đạt được sự thống nhất giữa các đơn vị có đất nằm trong dự án phân khu lớn 17,2 ha đã được phê duyệt (chủ yếu là Công ty CP XNK Máy Sài Gòn có diện tích 0,88ha) nên các thủ tục dự án chưa hoàn thành. Hiện nay, Công ty đang tích cực làm việc với Công ty CP Đầu tư Tài chính Thành Việt (đối tác liên doanh) tiếp tục đàm phán với Công ty CP XNK Máy Sài Gòn để giải quyết vướng mắc trên và đưa ra kế hoạch cụ thể để triển khai dự án trong thời gian sớm nhất.
- Thuê nhà tại số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội: Nhà số 8 Tràng Thi đã được đưa ra khỏi danh sách các biệt thự bảo tồn theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 04/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố, tạo điều kiện cho việc quản lý sử dụng tại đây. UBND thành phố Hà Nội đã và đang rà soát, phân loại quỹ nhà chuyên dùng, tạm dừng việc ký mới hợp đồng thuê. Công ty đang bám sát các cơ quan chức năng thành phố để ký tiếp hợp đồng thuê (đã hết hạn vào tháng 10/2016) khi có chủ trương mới của UBND thành phố.

2.5. Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

- Năm 2017, ngoài việc tổ chức xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, Hội đồng quản trị đã tiến hành 04 phiên họp và đã ban hành

tổng số 50 nghị quyết, quyết định để thực thi nhiệm vụ, đơn đốc chỉ đạo và giám sát tình hình hoạt động Công ty.

- HĐQT gồm 05 thành viên, trong đó 01 thành viên kiêm Giám đốc Công ty, do vậy việc tổ chức triển khai nhiệm vụ của Giám đốc/Ban điều hành được thực hiện nhanh chóng, kịp thời đảm bảo tuân thủ pháp luật và theo đúng các quy định hiện hành. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch 2017 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Thường xuyên tham gia các cuộc họp của Ban điều hành để nắm bắt tình hình và đơn đốc chỉ đạo kịp thời.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của các đơn vị thành viên.
- Chỉ đạo, quản lý Người đại diện phần vốn tại các đơn vị có đầu tư góp vốn qua các báo cáo quản trị theo Điều lệ, Quy chế quản lý phần vốn, Quy chế tài chính và các quy chế quản lý khác đã ban hành.
- HĐQT phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty xây dựng thực hiện chương trình giám sát cụ thể tình hình hoạt động của toàn Công ty.
- Tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị:
- + Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT chuyên trách được chi trả thù lao theo Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với Người đại diện (chuyên trách) của PV Power tại PVMACHINO và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty: 1.801.768.004 đồng.
- + Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm: 60.000.000 đồng (3.000.000 đ/người/tháng).

II. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018


Với mục tiêu năm 2018: Doanh thu 850 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế 32 tỷ đồng; tỷ lệ chi trả cổ tức là 7%, Hội đồng quản trị có phương hướng nhiệm vụ như sau:

- Tiếp tục tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, rà soát và kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả, minh bạch; thường xuyên cập nhật, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ phục vụ cho công tác quản lý, điều hành Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành hàng, tập trung vào việc mở rộng lĩnh vực cung cấp vật tư, thiết bị, phụ tùng cho các dự án trong ngành; Tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác có năng lực, kinh nghiệm trong việc

sản xuất để cùng hợp tác đầu tư trong lĩnh vực vật tư tiêu hao, thiết bị, phụ tùng thay thế cho các nhà máy điện, phấn đấu trở thành nhà cung cấp thiết bị OEM chính của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Chú trọng hơn nữa công tác phát triển nguồn nhân lực, có chế độ đãi ngộ, chính sách thu hút đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực đáp ứng nhu cầu của Công ty; sử dụng phần mềm tiên tiến hỗ trợ công tác quản lý, điều hành Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- Tăng cường công tác quản lý tài chính, quản trị rủi ro, tập trung giải quyết, xử lý dứt điểm các khoản công nợ quá hạn, kéo dài. Đảm bảo đến năm 2020 cơ bản xử lý toàn bộ công nợ, trích lập dự phòng đầy đủ; đẩy nhanh tiến độ thu hồi công nợ, đảm bảo mục tiêu thu hồi công nợ tối thiểu 10% tổng số công nợ quá hạn tại thời điểm cuối năm 2017; tiếp tục theo dõi, bám sát và đẩy nhanh tiến độ khởi kiện và đòi bồi thường các khoản công nợ có bảo lãnh của ngân hàng trong năm 2018; sớm có phương án khai thác/chuyển nhượng tài sản của khách hàng từ việc đối trừ công nợ.
- Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án khu đất Đông Anh, Hà Nội; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát toàn bộ hệ thống Công ty, đặc biệt là Người đại diện phần vốn tại các đơn vị trên cơ sở kế hoạch, tiến độ thực hiện theo từng tháng/quý/năm và nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty thông qua.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017, kế hoạch và phương hướng nhiệm vụ chủ yếu năm 2018, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Hiệp

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017
VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 2018**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí

**PHẦN I
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017**

Năm 2017, nền kinh tế Việt Nam đã có những tín hiệu chuyển biến tích cực, nắm bắt được cơ hội thuận lợi khách quan này, Công ty đã phát huy thế mạnh là kinh nghiệm thực hiện thành công các gói thầu, dự án trong các năm qua, cùng với sự hỗ trợ giúp đỡ của Lãnh đạo Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh đạt kết quả tích cực. Tiếp tục khẳng định được thương hiệu và nâng cao vị thế của Công ty trong việc cung cấp vật tư, thiết bị một cách chuyên nghiệp, hiệu quả cho các dự án, nhà máy trong và ngoài ngành.

Công ty đã hoàn thành vượt mức Kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua, cụ thể như sau:

1. Công tác kinh doanh.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	
				Giá trị	%so với KH
1	Tổng Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	750,00	989,74	132%
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	720,00	764,91	106%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	27,50	29,16	106%
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	27,50	29,62	108%
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	27,50	28,84	105%
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	27,50	29,62	108%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	
				Giá trị	%so với KH
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nt	5,50	11,30	205%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6	6	100%

❖ **Đánh giá các chỉ tiêu chính**

- **Chỉ tiêu Tổng doanh thu:** tổng doanh thu vượt mức kế hoạch 32%, trong đó Công ty mẹ vượt mức 6% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.
- **Chỉ tiêu Lợi nhuận:** lợi nhuận sau thuế vượt mức kế hoạch 5%, trong đó Công ty mẹ vượt mức 8% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua. Lợi nhuận hợp nhất thấp hơn lợi nhuận của Công ty mẹ do phân bổ lợi thế thương mại khi đầu tư vào Công ty CP Máy-Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng.

❖ **Kết quả triển khai các dự án, hợp đồng**

- Hoạt động trong ngành:
 - + Công ty đã cung cấp vật tư, thiết bị thay thế cho các nhà máy điện trong Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam như Nhà máy Nhiệt điện Cà Mau, Nhơn Trạch 1, Vũng Áng...
 - + Ngoài ra, Công ty tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu các cơ hội đầu tư vào các dự án năng lượng và một số lĩnh vực hiệu quả khác.
- Hoạt động ngoài ngành:
 - + Cung cấp ống thép, cọc cừ, thép tấm các loại cho dự án chống ngập tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số khách hàng tin cậy khác.
 - + Cung cấp thiết bị nội soi cho Ban QLDA Đông Bắc Bộ và Bắc Sông Hồng; gói thầu trạm thu phí ITS BOT Phả Lại và một số gói thầu khác.
- Công tác thu hồi vốn: cơ bản hoàn thành thu vốn các gói thầu, dự án theo tiến độ, kế hoạch.

❖ **Một số khó khăn trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh**

Mặc dù hoạt động kinh doanh năm 2017 đạt được kết quả tốt, song trong quá trình hoạt động, Công ty cũng gặp phải một số khó khăn như sau:

- Đối với các hợp đồng cung cấp vật tư thay thế cho các nhà máy điện trong Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam: năm 2017, tỷ trọng doanh thu từ

việc cung cấp cho các nhà máy còn thấp, ước đạt 8%, tương đương 75 tỷ đồng doanh thu. Nguyên nhân: Công ty chưa là đại diện bán hàng chính thức của các hãng sản xuất thiết bị gốc nên việc tham gia đấu thầu cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế còn gặp nhiều khó khăn.

- Đối với các hợp đồng cung cấp ngoài ngành: do sự cạnh tranh gay gắt giữa các nhà cung cấp, với các dự án lớn, mục tiêu an toàn vốn là hàng đầu vì vậy Công ty phải tìm các phương án liên danh với các đối tác có khả năng thực hiện đáp ứng yêu cầu của khách hàng, đồng thời chia sẻ một phần lợi nhuận để vừa giữ được khách hàng nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn.

2. Công tác tài chính.

- Tình hình tài chính của Công ty ổn định và chắc chắn, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển. Tài sản được khai thác, sử dụng đúng mục đích và hiệu quả, các khoản nợ phải trả luôn được đảm bảo có khả năng thanh toán, thực hiện nộp ngân sách, chi trả cổ tức cho cổ đông đầy đủ, đúng hạn.
- Công tác thu hồi vốn, thu hồi nợ thực hiện quyết liệt. Ban thu hồi công nợ đã triển khai đa dạng hóa biện pháp thu hồi, thực hiện phân công và giao nhiệm vụ cho từng đồng chí Phó Giám đốc kiêm Tổ trưởng các tổ thu hồi công nợ, thường kỳ họp kiểm điểm đánh giá kết quả để rút kinh nghiệm triển khai, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các đơn vị tư vấn luật thúc đẩy quá trình thu hồi và tòa các cấp.
- Công ty áp dụng các biện pháp quản trị rủi ro, giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn, tài sản và các nguồn lực khác theo kế hoạch, đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả.

3. Công tác tái cấu trúc, sắp xếp đổi mới và tổ chức, bộ máy.

Công ty đã hoàn thành công tác tái cấu trúc giai đoạn 2010-2015 theo đề án đã được phê duyệt, hiện chỉ còn phương án tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Máy-Thiết bị Dầu khí Sài Gòn. Cụ thể:

- Tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Máy-Thiết bị Dầu khí Sài Gòn (PVM-SG):
- + Năm 2017, PVM-SG hoàn thành vượt mức 10% kế hoạch doanh thu và có lãi; đơn vị đã tham gia cung cấp vật tư, thiết bị cho các nhà máy điện, đạm trong ngành dầu khí; chuyển dịch cơ cấu doanh thu sang lĩnh vực dự án.
- + Hoạt động kinh doanh của đơn vị đã có khởi sắc, mặc dù đã nỗ lực trong công tác thu hồi công nợ xong chưa thu được nợ do khách hàng chưa có khả năng trả, do vậy các phương án tái cơ cấu gồm giải thể, phá sản không đủ điều kiện thực hiện, do vậy Công ty tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh của đơn vị, tạo mọi điều kiện tốt nhất hỗ trợ đơn vị để giữ vững

nguồn việc, nâng dần tỷ trọng cung cấp vật tư thiết bị cho các nhà máy điện, đạm và lĩnh vực dự án, chỉ đạo tiếp tục quyết liệt công tác thu hồi công nợ khi nào đủ điều kiện sẽ xây dựng phương án tái cơ cấu phù hợp.

- Các khoản đầu tư tài chính nhỏ (từ thời kỳ doanh nghiệp nhà nước): chưa thoái vốn được các khoản đầu tư tài chính này do bản thân các đơn vị hoạt động không hiệu quả, thị trường giao dịch chuyển nhượng liên quan đến các khoản đầu tư này trầm lắng, không thể giao dịch nên Công ty tiếp tục bám sát thị trường, sẵn sàng các phương án phù hợp để thoái vốn, đảm bảo tiết kiệm chi phí và tính khả thi.

4. Công tác khai thác cơ sở vật chất sẵn có, hợp tác đầu tư.

- Công tác khai thác cho thuê cơ sở vật chất sẵn có, gồm tòa nhà tại số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội và tòa nhà số 7 Đinh Tiên Hoàng, Hà Nội (tầng 3,4,5 và sân thượng); khu kho tại Đông Anh, Hà Nội (trong thời gian chờ làm các thủ tục đầu tư dự án) được quản lý khai thác, cho thuê hiệu quả, luôn được lấp đầy diện tích thuê.
- Công tác thuê nhà và hợp tác kinh doanh:
 - + Thuê nhà tại số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội:
 - Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 04/NQ-HĐND, ngày 04/7/2017, đưa nhà số 8 Tràng Thi ra khỏi danh sách các biệt thự bảo tồn, tạo điều kiện cho việc quản lý, sử dụng tại đây.
 - Về việc ký tiếp hợp đồng thuê, hiện UBND thành phố Hà Nội vẫn đang trong quá trình rà soát quỹ nhà chuyên dùng dùng ký hợp đồng mới, do vậy Công ty tiếp tục bám sát Sở Xây dựng Hà Nội và các cơ quan chuyên môn để triển khai khi thành phố có chỉ đạo mới.
 - + Hợp tác kinh doanh tại khu đất Đông Anh, Hà Nội:
 - Khu đất 17,2ha (bao gồm khu đất 2,36ha của Công ty) đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch 1/500 theo Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 27/7/2015, trong quá trình triển khai dự án tồn tại vướng mắc chưa được giải quyết là do Công ty CP XNK Máy Sài Gòn (đơn vị quản lý 0,88ha đất thuộc quy hoạch trên) là đơn vị duy nhất chưa thống nhất hợp tác.
 - Công ty CP Đầu tư Tài chính Thành Việt (đối tác hợp tác liên doanh) đã và đang thương thảo làm việc với Công ty CP XNK Máy Sài Gòn theo hướng cùng thống nhất triển khai dự án theo Quy hoạch được phê duyệt, đồng thời cũng xây dựng một số phương án khác để giải quyết vướng mắc như thay đổi quy hoạch khu đất, nhận chuyển nhượng lại khu đất....Trên cơ sở

kết quả thực hiện các phần việc trên, hai bên sẽ phối hợp xây dựng lộ trình triển khai cụ thể, khả thi để triển khai dự án.

5. Các công tác khác.

- Công tác chi trả cổ tức: đã hoàn thành việc chi trả cổ tức 5% của năm 2016.
- Công tác đào tạo được chú trọng đào tạo cán bộ nhân viên theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả. Thường xuyên kiểm tra rà soát để tổ chức cho cán bộ nhân viên tham gia các lớp học nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng giải quyết công việc phù hợp với tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Công tác chăm đời sống cán bộ nhân viên: thực hiện đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, từng bước nâng cao đời sống, thu nhập của cán bộ nhân viên, tham gia các phong trào thể thao của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tổ chức. Thực hiện các chương trình an sinh xã hội, ủng hộ gia đình nghèo, các cháu học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vươn lên trong học tập tại các tỉnh vùng sâu vùng xa.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 2018

1. Nhiệm vụ trọng tâm.

- Bố trí nhân lực, chủ động hàng hóa, tập trung thực hiện các dự án, hợp đồng đã trúng thầu đảm bảo chất lượng, hiệu quả.
- Tích cực tham gia các gói thầu cung cấp vật tư đầu vào cho các nhà máy điện của Tổng Công ty như Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau 1&2, Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh,...
- Tập trung quyết liệt xử lý, thu hồi công nợ, cụ thể:
 - + Xây dựng kế hoạch thu hồi công nợ chi tiết, trong đó phân loại cụ thể những khoản nợ có thể thu hồi và những khoản nợ khó đòi.
 - + Nghiên cứu, xây dựng các phương án thu hồi nợ cụ thể có tính khả thi cao dựa trên nguyên tắc thúc đẩy hiệp thương để giải quyết thu hồi công nợ; kết hợp linh hoạt giữa các công cụ pháp lý và hòa giải nhằm mục đích thu hồi nợ tối đa (có thể thu hồi nợ bằng tiền hoặc tài sản).
- Hoàn thành các thủ tục khởi kiện sơ thẩm, phúc thẩm trong năm 2018 đối với các khoản công nợ có bảo lãnh của Ngân hàng.

- Thường xuyên theo dõi, quản lý, giám sát chặt chẽ các phương án kinh doanh đảm bảo tuyệt đối không để phát sinh các khoản nợ quá hạn mới.
- Tiếp tục hỗ trợ hoạt động kinh doanh, công tác thu hồi công nợ của Công ty TNHH MTV Máy - TBĐK Sài Gòn; xây dựng phương án tái cơ cấu đơn vị khi đủ điều kiện.
- Nghiên cứu, xây dựng phương án tái cơ cấu lĩnh vực kinh doanh, thương mại theo hướng tập trung cho các ngành nghề thế mạnh như cung cấp vật tư, hóa chất,... Xây dựng chương trình khảo sát các nhà máy điện và gặp gỡ các nhà thầu cung cấp thiết bị O&M để tìm kiếm cơ hội phát triển kinh doanh.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch.

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018
1	Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	850,00
	Trong đó Công ty mẹ	Nt	820,00
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Nt	32,00
	Trong đó Công ty mẹ	Nt	32,00
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Nt	32,00
	Trong đó Công ty mẹ	Nt	32,00
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nt	8,72
5	Giá trị đầu tư, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị	Nt	3,13
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	7

3. Các giải pháp chính thực hiện kế hoạch.

3.1. Giải pháp về kinh doanh.

- Quyết liệt triển khai các công việc ngay từ những ngày đầu năm, Ban Lãnh đạo Công ty đã tổ chức họp phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn, những tồn tại trong việc triển khai hoạt động kinh doanh năm 2017 và đề ra giải pháp khắc phục nhằm mục tiêu thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2018.
- Phân bổ, giao nhiệm vụ, giao chỉ tiêu kinh doanh cụ thể cho từng thành viên trong Ban Điều hành và tổng hợp đánh giá, giao kế hoạch kinh doanh năm 2018 cho các đơn vị phụ thuộc, thành viên.
- Giải pháp thực hiện trong ngành dầu khí:

- + Tập trung thực hiện các dự án, hợp đồng đã trúng thầu đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả, an toàn vốn.
- + Cung cấp vật tư thay thế phục vụ vận hành, trung tu các nhà máy điện của Tổng Công ty như nhà máy điện Vũng Áng, Cà Mau 2...
- Giải pháp thực hiện ngoài ngành dầu khí:
- + Tham gia đấu thầu cung cấp thiết bị các gói thầu thuộc lĩnh vực y tế, giao thông...
- + Tìm kiếm triển khai các công việc mới, các phương án kinh doanh thương mại đảm bảo an toàn vốn.

3.2. Giải pháp về công tác tái cấu trúc và tổ chức, bộ máy.

- Hỗ trợ hoạt động kinh doanh Công ty TNHH MTV Máy-Thiết bị Dầu khí Sài Gòn và các đơn vị đã thoái vốn không còn nắm giữ chi phối, xây dựng phương án tái cơ cấu và thoái vốn khi đủ điều kiện.
- Bám sát thị trường chứng khoán, sẵn sàng các phương án phù hợp để thoái vốn các khoản đầu tư tài chính nhỏ đảm bảo tiết kiệm chi phí và phải khả thi.
- Tiếp tục công tác đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên theo hướng chuyên nghiệp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng chế độ khuyến khích lao động trực tiếp tham gia tìm kiếm nguồn việc.
- Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện hệ thống văn bản, các quy chế quản lý nội bộ theo quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức các phong trào thi đua lao động, đẩy mạnh hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên.

3.3. Giải pháp về tài chính.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có, xây dựng và thực hiện phương án sử dụng tài sản thu hồi từ các khoản nợ, thu xếp và cân đối sử dụng nguồn vốn, dòng tiền hợp lý.
- Tăng cường công tác quản trị tài chính, quản trị rủi ro, chú trọng công tác tiết kiệm, tiết giảm chi phí hoạt động, xây dựng và thực hiện bám sát kế hoạch tài chính.

3.4. Giải pháp đầu tư và khai thác cơ sở vật chất sẵn có và sửa chữa văn phòng làm việc.

- Tiếp tục quản lý và khai thác tốt việc cho thuê mặt bằng tại các địa chỉ 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội, số 7 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội và kho tại khu đất Đông Anh, Hà Nội (trong lúc chờ làm dự án).

- Phối hợp chặt chẽ với đối tác liên doanh đẩy nhanh các thủ tục, tiến độ đầu tư tại khu đất Đông Anh, Hà Nội.
- Sửa chữa, cải tạo tòa nhà tại số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội để chuyên văn phòng làm việc về đây.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2017 và phương hướng triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2018, Công ty kính báo cáo Đại hội.

Kính chúc Đại hội thành công!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KHĐT.

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
BỘ PHẬN
MÁY - THIẾT BỊ
ĐẦU KHÍ
Nguyễn Đình Trung

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí (Công ty), Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát trong năm 2017;

Ban kiểm soát Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu Khí (BKS) xin báo cáo tới Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 về kết quả thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của BKS Công ty năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC THÀNH VIÊN

1. Nhân sự và hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí nhiệm kỳ 2015-2020 gồm 3 thành viên (1 thành viên chuyên trách và 2 thành viên kiêm nhiệm)

Trong năm 2017, BKS đã bám sát các nội dung được thông qua tại kỳ ĐHĐCĐ thường niên, các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và các quy chế, quy định của Công ty, tập trung triển khai, thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra. Nội dung cụ thể các công việc bao gồm:

- Tham gia các cuộc họp HĐQT, các cuộc họp giao ban của Công ty để giám sát hoạt động chung của Công ty
- Giám sát các hoạt động tại Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017, thực hiện điều lệ của Công ty;
- Thẩm định BCTC bán niên, BCTC năm 2017 của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính.
- Giám sát công tác quản lý và sử dụng vốn, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.
- Giám sát công tác quản lý và thu hồi công nợ

- Giám sát công tác chi trả cổ tức.
- Phối hợp với Người đại diện vốn của Công ty tại các đơn vị thành viên thực hiện 1 số cuộc kiểm tra, kiểm soát tại các đơn vị.
- Và các nhiệm vụ khác theo quy định tại điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS.

2. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát.

BKS đã tổ chức 04 cuộc họp và đã thống nhất thông qua các nội dung chính như sau:

- Đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thông qua các nội dung kiểm soát của từng quý
- Thông qua kết quả thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) riêng và BCTC hợp nhất bán niên, BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2017 các Quý năm 2017 của Công ty.
- Thống nhất nội dung và kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý, người đại diện phần vốn góp của Công ty
- Thống nhất thông qua Báo cáo giám sát hàng quý của BKS gửi HĐQT, Giám đốc Công ty; thống nhất thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2017 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2018.
- Kết quả giám sát các khoản công nợ phải thu quá hạn.

3. Thù lao của Ban Kiểm soát.

Thù lao của BKS được chi trả theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 đã được ĐH thông qua.

- Trưởng BKS chuyên trách hưởng lương theo Quy chế và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thành viên BKS kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/người/tháng.

Về chi phí hoạt động của BKS năm 2017: Tuân thủ theo Quy định về quản lý chi tiêu, mua sắm nội bộ của VP Công ty.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017.

1. Kết quả giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2017, Công ty đã thay đổi tỷ trọng trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính, theo hướng cung cấp vật tư, thiết bị trực tiếp cho các nhà máy, dự án. Giảm tỷ trọng doanh thu kinh doanh thương mại thuần túy mua ngay – bán

ngay . Tiếp tục tham gia đấu thầu cung cấp vật tư, thiết bị cho các dự án trong và ngoài ngành với mục tiêu tối đa lợi nhuận nhưng đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Các chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đều hoàn thành so với kế hoạch đề ra, cụ thể:

1.1. Các chỉ tiêu thực hiện hoạt động SXKD năm 2017.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Tổng doanh thu	750,00	989,74	132%
	<i>Công ty mẹ</i>	720,00	764,91	106%
	<i>PVM-SG</i>	30,00	33,04	110%
	<i>PVM-Daesco(*)</i>		193,24	
2	Lợi nhuận trước thuế	27,50	29,16	106%
	<i>Công ty mẹ</i>	27,50	29,62	108%
	<i>PVM-SG</i>		0,03	
	<i>PVM-Daesco(*)</i>		1,61	
3	Lợi nhuận sau thuế	27,50	28,84	105%
	<i>Công ty mẹ</i>	27,50	29,62	108%
	<i>PVM-SG</i>		0,03	
	<i>PVM-Daesco(*)</i>		1,29	
4	Nộp ngân sách	5,50	11,30	205%
	<i>Công ty mẹ</i>	5,50	6,20	113%
	<i>PVM-SG</i>		0,02	
	<i>PVM-Daesco(*)</i>		5,08	
5	Đầu tư mua sắm trang thiết bị	0,94	0,70	74%

() ĐHCĐ thường niên 2017 không giao kế hoạch 2017 cho PVM-Daesco.*

Số liệu Tổng doanh thu và tổng lợi nhuận đã bao gồm các khoản giảm trừ theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán.

- Trong năm 2017, Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh Công ty mẹ đạt 764,91 tỷ đồng tăng 9% so với năm 2016, trong đó doanh thu từ cung cấp thiết bị dự án là 406,6 tỷ đồng, doanh thu từ hoạt động kinh doanh thương

mại là 254,3 tỷ đồng, doanh thu từ hoạt động dịch vụ là 15,4 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế cả năm Công ty mẹ đạt 29,6 tỷ đồng tăng trưởng 12% so với năm 2016; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên vốn điều lệ đạt 7,6%, tăng 0,54% so với kế hoạch.

- Hợp nhất số liệu cả năm bao gồm Công ty CP Máy – Thiết bị dầu khí Đà Nẵng và Công ty TNHH Máy – Thiết bị Dầu khí Sài Gòn: tổng doanh thu đạt 989,74 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 28,84 tỷ đồng.
- Phải thu ngắn hạn theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại 31/12/2017 là 494,05 tỷ đồng, tăng 55,9 tỷ đồng với năm trước (Công ty mẹ: phải thu ngắn hạn là 439,2 tỷ đồng, tăng 48,5 tỷ đồng). Trong đó công nợ quá hạn là 247,86 tỷ đồng (Công ty mẹ: công nợ quá hạn là 186,08 tỷ đồng).
- Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu là 202,5 tỷ đồng (trong đó Công ty mẹ trích lập 191,2 tỷ đồng). Trong năm 2017 Công ty thực hiện trích lập dự phòng 43,6 tỷ đồng.
- Đến 31/12/2017 dư vay ngắn hạn toàn Công ty là 106,1 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ vay ngắn hạn là 81 tỷ đồng.
- Công nợ phải trả toàn Công ty: 279,5 tỷ đồng (trong đó Công nợ phải trả Công ty mẹ 242,8 tỷ đồng).
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh: 0,48 lần. Hệ số khả năng thanh toán hiện thời: 1,6 lần. Như vậy Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán hiện thời.

1.2. Về việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính và biến động tài sản năm 2017.

Qua thẩm định các BCTC năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán Việt Nam AASC (đơn vị kiểm toán đã được thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2017), BKS xin báo cáo kết quả thẩm định như sau:

- BCTC năm 2017 của Công ty đã được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán, trình bày rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính 2017 theo đúng Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam. BCTC riêng và hợp nhất bán niên và năm 2017 được kiểm toán bởi AASC và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.
- BCTC năm 2017 của Công ty được trình bày trung thực, hợp lý, phản ánh đầy đủ tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động, kinh doanh riêng, hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng, hợp nhất cho năm tài chính 2017.

- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ đầy đủ theo đúng quy định.

Về tài sản và nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, BKS xin tóm lược như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2017	So sánh 31/12/2016	31/12/2017	So sánh 31/12/2016
I. Tổng tài sản	693,32	700,61	738,80	737,98
1. Tài sản ngắn hạn.	389,13	393,35	465,05	462,43
- Tiền và các khoản tương đương tiền	33,41	117,72	40,15	124,66
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	83,55	0,00	83,55	0,00
- Các khoản phải thu	248,03	243,16	291,52	279,22
- Hàng tồn kho	23,12	32,02	48,40	57,09
- TS ngắn hạn khác	1,03	0,46	1,44	1,47
2. Tài sản dài hạn	304,19	307,26	273,75	275,55
- Các khoản phải thu	1,00	1,00	1,50	1,50
- Tài sản cố định	11,15	11,61	34,73	36,16
- Bất động sản đầu tư	0,15	0,27	0,15	0,27
- Các khoản đầu tư TC dài hạn	253,95	254,33	186,40	186,81
- Tài sản dở dang dài hạn			1,37	
- TS dài hạn khác	37,9	40,0	49,60	50,81
II. Tổng nguồn vốn	693,32	700,61	738,80	737,98
1. Nợ phải trả	242,76	257,83	279,51	285,69
- Nợ ngắn hạn	242,76	257,83	278,21	285,25
- Nợ dài hạn		0,00	1,30	0,44
2. Vốn chủ sở hữu	450,56	442,78	459,28	452,28
- Vốn góp của chủ sở hữu	386,39	386,39	386,39	386,39
- Quỹ đầu tư phát triển	17,34	16,08	17,47	16,21

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2017	So sánh 31/12/2016	31/12/2017	So sánh 31/12/2016
- Lợi nhuận chưa phân phối	46,83	40,32	30,51	25,41
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát			24,93	24,28

Tổng tài sản năm 2017 hợp nhất toàn Công ty cũng như Công ty mẹ biến động không đáng kể so với năm 2016, cụ thể:

- Khoản mục Tài sản ngắn hạn: tăng công nợ do khách hàng chưa đến kỳ thanh toán, đồng thời giảm hàng tồn kho do bán hàng trong kỳ.
- Tài sản dài hạn giảm do việc trích và phân bổ khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu của toàn Công ty đến 31/12/2017 là 459,2 tỷ đồng, tăng 1,5% so với đầu năm (VCSH Công ty mẹ 450,6 tỷ đồng tăng 1,7% so với đầu năm) do lợi nhuận chưa phân phối tăng.

Các chỉ tiêu liên quan đến các chỉ số tài chính tại Công ty mẹ như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn	-	-
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản	-	-
Tài sản ngắn hạn/ Tổng Tài sản	0,56	0,56
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	0,44	0,44
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn	-	-
Nợ phải trả/ Tổng Nguồn vốn	0,35	0,37
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng Nguồn vốn	0,65	0,63
2. Khả năng thanh toán	-	-
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	1,60	1,53
2.2 Khả năng thanh toán nhanh	0,48	0,46
3. Tỷ suất sinh lời	-	-

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	0,04	0,04
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	0,04	0,04
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	-	-
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	0,04	0,04
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	0,04	0,04
3.3 Tỷ suất LNST trên nguồn vốn chủ sở hữu	0,07	0,06

2. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý.

• **Đối với Hội đồng Quản trị**

- Hội đồng Quản trị Công ty (HĐQT) gồm 5 thành viên được ĐHĐCĐ bổ nhiệm. Các thành viên của HĐQT đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao. HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đột xuất hoặc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, từ đó ban hành các Nghị quyết, Quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành có nội dung phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định của Pháp luật.

• **Đối với Ban điều hành**

- Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban điều hành đã triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của HĐQT, chủ động đưa ra các giải pháp, triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời để đạt được kết quả tốt nhất, có biện pháp điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, đảm bảo đúng quy chế phù hợp với luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BGĐ và cổ đông

- HĐQT Công ty đã cung cấp kịp thời đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho BKS, HĐQT, Ban điều hành đã tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, giúp cho BKS hoàn thành nhiệm vụ.
- Đối với cổ đông: Trong năm, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **00 4 1**/MTB - HĐQT

Hà Nội, ngày **09** tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí

Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí,

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 về việc thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC:

1. Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty mẹ đã được kiểm toán (Chi tiết kèm theo)
2. Báo cáo tài chính năm 2017 hợp nhất đã được kiểm toán (Chi tiết kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐÀU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đình Trung	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Việt Hưng	Ủy viên	
Bà Tô Ngọc Tuyết	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2017
Ông Mai Quang Vinh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2017

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Trung	Giám đốc
Ông Lê Ngọc Dũng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trung Nghĩa	Phó Giám đốc
Ông Bùi Hữu Lạc	Phó Giám đốc
Ông Trương Văn Thục	Phó Giám đốc
Ông Phan Xuân Thăng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lý Thu Vân	Trưởng ban
Bà Hà Thị Thanh Hào	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hòa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu lưũ lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và thực thi kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
 - Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
 - Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
 - Nếu rã các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
 - Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 26/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 05 tháng 05 năm 2018, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính xét cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		465.049.479.246	462.427.629.635
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	40.145.680.189	124.655.804.185
111	1. Tiền		20.057.680.189	53.940.558.663
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.088.000.000	70.715.245.522
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	83.547.245.522	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		83.547.245.522	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		291.519.075.738	279.216.121.310
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	482.604.814.749	429.433.176.567
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.843.072.379	3.224.288.967
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.602.743.849	5.439.083.568
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(202.531.555.239)	(158.880.427.892)
140	IV. Hàng tồn kho	8	48.397.090.041	57.086.590.731
141	1. Hàng tồn kho		48.579.490.041	57.268.990.731
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(182.400.000)	(182.400.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.440.387.756	1.469.113.409
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	699.776.102	56.058.275
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		393.632.097	772.495.358
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	346.979.557	640.559.776
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		273.746.998.534	275.549.179.762
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.495.690.825	1.495.896.250
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.495.690.825	1.495.896.250
220	II. Tài sản cố định		34.725.689.927	36.159.544.275
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	10.043.265.363	11.477.119.711
222	- Nguyên giá		25.589.046.338	26.964.071.886
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.545.780.975)	(15.486.952.175)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	24.682.424.564	24.682.424.564
228	- Nguyên giá		25.210.609.564	25.595.609.564
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(548.245.000)	(913.245.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	152.585.421	271.642.329
231	- Nguyên giá		17.545.622.940	17.545.622.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.393.037.519)	(17.273.980.611)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.366.624.105	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	1.366.624.105	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	186.404.172.668	186.810.413.800
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		672.340.926	904.093.412
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		189.168.719.573	189.168.719.573
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.436.887.831)	(3.262.399.186)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		49.602.235.588	50.811.683.108
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	41.341.509.722	40.485.775.776
269	2. Lợi thế thương mại		8.260.725.866	10.325.907.332
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		738.796.477.780	737.976.809.397

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		279.511.501.281	285.692.039.784
310	I. Nợ ngắn hạn		278.207.179.631	285.250.232.844
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	158.332.079.539	113.164.168.006
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	4.774.540.904	1.553.688.743
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	683.982.456	6.685.264.280
314	4. Phải trả người lao động		3.510.552.711	2.812.128.422
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.276.924.168	7.192.040.215
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		98.280.694	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	2.841.107.476	32.157.484.798
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	106.121.748.000	120.594.067.317
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		567.963.683	991.391.063
330	II. Nợ dài hạn		1.304.321.650	441.806.940
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	310.560.130	441.806.940
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	993.761.520	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		459.284.976.499	452.284.769.613
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	459.284.976.499	452.284.769.613
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		17.467.647.208	16.205.646.067
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.505.604.521	25.413.125.043
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		2.312.022.077	173.102.225
421b	LNST chưa phân phối năm nay		28.192.982.444	25.240.022.818
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		34.925.724.770	24.279.998.503
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		738.796.477.780	737.976.809.397


Lý Lê Ninh
Người lập


Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2017

Mã số	CHI TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	898.010.402.122	873.169.253.283
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	10.137.090
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		898.010.402.122	873.159.116.193
11	4. Giá vốn hàng bán	25	870.131.852.703	832.462.061.865
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.878.549.419	40.697.054.328
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	88.078.735.248	103.990.422.476
22	7. Chi phí tài chính	27	2.095.288.647	4.128.979.075
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.597.356.911	3.954.800.731
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(231.752.487)	57.614.299
25	9. Chi phí bán hàng	28	16.218.414.052	17.070.651.265
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	71.578.805.528	97.052.422.161
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.833.023.953	26.493.038.602
31	12. Thu nhập khác		3.882.997.623	6.347.879.992
32	13. Chi phí khác		555.851.924	6.780.315.197
40	14. Lợi nhuận khác		3.327.145.709	(432.435.205)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.160.169.662	26.060.603.397
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	371.460.951	10.162.874
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>28.838.708.711</u>	<u>26.050.440.523</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		28.192.982.444	25.240.022.818
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		645.726.267	810.417.705
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	730	653





Lý Lê Ninh
 Người lập

Hoàng Minh Đức
 Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trung
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHI TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		29.160.169.662	26.060.693.397
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.618.092.722	7.632.904.117
03	- Các khoản dự phòng		43.825.615.992	70.425.710.198
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		12.304.612	9.030.428
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(87.476.722.465)	(104.041.043.320)
06	- Chi phí lãi vay		1.507.356.911	3.954.800.731
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(9.353.182.566)	4.042.005.351
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(55.602.893.821)	(83.456.750.807)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		8.689.500.690	132.024.253.733
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10.686.406.418	(367.419.846)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.499.451.773)	3.109.404.881
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.645.511.755)	(3.633.639.855)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		107.638.084	81.200.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.050.267.289)	(882.361.865)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(53.667.762.012)	50.946.671.592
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.366.624.105)	(192.162.916)
22	2. Tiền từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		43.636.363	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(81.547.243.522)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		87.664.838.589	72.283.169.837
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.794.605.325	72.191.006.921
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		121.162.018.010	104.093.160.125
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(134.640.575.807)	(190.789.061.491)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(20.146.104.900)	(14.340.924.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(33.624.662.697)	(101.036.826.166)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính lập nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(84.497.819.384)	22.100.852.347
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		124.655.804.185	102.554.012.448
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(12.304.612)	939.390
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>40.145.680.189</u>	<u>124.655.804.185</u>

Lý Lê Ninh
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-ĐKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-ĐKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn: Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 386.386.000.000 đồng; tương đương 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và xây lắp

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu,
- Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tính đến hết năm 2016, các công trình xây lắp với giá trị lớn của Công ty đều đã thực hiện xong và trung giai đoạn chờ quyết toán. Trong năm 2017, Công ty có phát sinh hoạt động xây lắp chung lợi đồng ký được đều là các hợp đồng với giá trị không lớn nên doanh thu từ hoạt động xây lắp sụt giảm mạnh so với năm trước. Bên cạnh đó, Công ty hiện đang là một trong các bên cung cấp thép cho dự án chống ngập tại thành phố Hồ Chí Minh; do dự án đang trong quá trình triển khai gấp rút nên công ty phải cung cấp lượng hàng lớn cho dự án, chính vì vậy doanh thu hoạt động thương mại của Công ty năm nay tăng mạnh so với năm trước.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	49,78%	(*)	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị

(*) Tuy công ty chỉ nắm giữ 49,78% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì nhân sự của Công ty chiếm 4/5 vị trí trong Hội đồng Quản trị, Trưởng ban kiểm soát cũng là người của Công ty nên Công ty có toàn quyền chi phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí Đà Nẵng.

- Công ty có các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 52/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán như: quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại,
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phải loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch,
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phải loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các tương tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu mua dài hạn phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty con của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công ty con của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu kho đối theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các chế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc ban gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Du phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị 05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 05 - 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 - 07 năm
- Phần mềm quản lý 03 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 04 - 25 năm
- Quyền sử dụng đất 04 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh (ương hiệu) phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

Theo Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần, kể từ năm 2014 Công ty được bù trừ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa với tiền thuê đất phải nộp hàng năm nên Công ty không phải bỏ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm và sẽ bù trừ với tiền thuê đất phải nộp Nhà nước sau khi được cơ quan thuế quản lý chấp thuận. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang thực hiện các thủ tục để bù trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán bằng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống. .

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính

Doanh thu chưa thực hiện đối với hoạt động bán hàng cho khách hàng thân thiết (VIP/truyền thống...) là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ mà Công ty sẽ cung cấp miễn phí (hoặc số tiền phải chiết khấu, giảm giá) cho người mua khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình khách hàng thân thiết (VIP/truyền thống/...).

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tính kinh phí chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp định giá công việc hoàn thành

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KÙI

Số 08 Trưng Thị, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, ... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.581.601.454	2.182.873.321
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.476.078.735	51.757.687.342
Các khoản tương đương tiền	20.088.000.000	70.715.245.522
	<u>40.145.680.189</u>	<u>124.655.804.185</u>

Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà: Bà Trưng với lãi suất 5,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trường Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm 31/12/2017 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,9%/năm.

b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2017				01/01/2017			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào Công ty liên kết								
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	672.340.926	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	904.093.413
				<u>672.340.926</u>				<u>904.093.413</u>

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 36.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trang Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cầu vòm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Đầu tư vào đơn vị khác	189.168.719.573	(3.436.887.831)	189.168.719.573	(3.262.399.186)
- Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	(2.016.000.000)	2.016.000.000	(2.016.000.000)
- Công ty TNHH FCC Việt Nam	49.495.000.000	-	49.495.000.000	-
- Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	11.781.000.000	-	11.781.000.000	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Nam	841.102.790	(680.534.599)	841.102.790	(680.534.599)
- Công ty CP PFC Hà Nội	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ứô SFIOWA Việt Nam	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
- Công ty CP Đông môi và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	(740.303.232)	3.621.000.000	(565.814.587)
- Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoà Đức, Hà Nội (*)	81.741.478.800	-	81.741.478.800	-
	189.168.719.573	(3.436.887.831)	189.168.719.573	(3.262.399.186)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Đây là giá trị 10% phần vốn góp tại dự án "Khả chung cư cao cấp, dịch vụ, hỗn hợp - Khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội" thuộc lô HH3 của dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội mà Công ty đã mua chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần IMICO với mục đích gắn từ công nợ. Các cứ trên định hướng kinh doanh cũng như tiềm lực của Công ty. Ban Giám đốc dự kiến sẽ chuyển nhượng lại phần vốn góp này khi có điều kiện thích hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Trại, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đầu tư vào đơn vị khác				
<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và loại đồng</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Huạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	Thành phố Vinh	3,25%	3,25%	Sản xuất nước đá
Công ty TNHH FCC Việt Nam	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Nam	Thành phố Hà Nội	12,13%	12,13%	Thương mại
Công ty CP PECO Hà Nội	Thành phố Hà Nội	6,00%	6,00%	Xây lắp
Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô SHOWA Việt Nam	Thành phố Hà Nội	8,45%	8,45%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu Khí Nhơn Trạch	Tỉnh Đồng Nai	1,80%	1,80%	Đóng mới, sửa chữa tàu
Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Bất động sản

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	56.305.253.124	66.356.264.728
- Công ty CP kết cấu kim loại & lắp máy Dầu khí	31.992.941.148	-
- Ban quản lý dự án hỗ trợ y tế các tỉnh ĐBB và ĐBSH	28.957.048.837	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	96.856.865.496
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu Khí JMICO	15.381.516.087	15.381.516.087
- Các khoản phải thu khách hàng khác	219.483.535.897	217.230.876.196
	<u>482.604.814.749</u>	<u>429.433.176.667</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>32.275.317.702</u>	<u>20.461.906.388</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.		

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Kết cấu thép & Xây dựng Phan Kha	1.822.627.020	-	-	-
Công ty TNHH Ô tô Mitsubishi Việt Nam	435.936.522	-	1.147.088.181	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại & Dịch vụ Phú Hồng Phong	302.802.900	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	3.261.715.937	(918.895.664)	2.077.200.786	(918.895.664)
	<u>5.843.072.379</u>	<u>(918.895.664)</u>	<u>3.224.288.967</u>	<u>(918.895.664)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	2.398.186.880	-	2.556.018.300	-
Ký cược, ký quỹ	590.868.033	-	15.971.941	-
Phải thu khác	2.613.685.936	(2.252.669.095)	2.867.093.327	(2.262.669.095)
	<u>5.602.743.849</u>	<u>(2.252.669.095)</u>	<u>5.439.083.568</u>	<u>(2.262.669.095)</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.495.690.825	-	1.495.896.250	-
	<u>1.495.690.825</u>	<u>-</u>	<u>1.495.896.250</u>	<u>-</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	454.407.633	-	379.847.957	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.917.879.442	-	19.959.726.373	-
Hàng hoá	28.207.202.966	(182.400.000)	35.919.416.401	(182.400.000)
	<u>48.579.490.041</u>	<u>(182.400.000)</u>	<u>57.268.990.731</u>	<u>(182.400.000)</u>

Trong đó:

Giá trị hàng tồn kho ÷ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 366.781.347 đồng.

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ ĐANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án Trung tâm ô tô Daesco Huế (*)	1.366.624.105	-
	<u>1.366.624.105</u>	<u>-</u>

(*) Thông tin chi tiết của Dự án:

- Tên Dự án: Xây dựng Trung tâm ô tô Daesco Huế
- Địa điểm xây dựng: Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, Phường Thủy Dương, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Mục đích đầu tư: Kinh doanh ô tô Mitsubishi
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng
- Thời gian triển khai: Quý III năm 2017
- Thời gian dự kiến hoàn thành: Quý I năm 2018
- Đến thời điểm 31/12/2017, Dự án đã hoàn thành một phần của hạng mục xây dựng móng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Bảo cáo tài chính hợp nhất

Số 08/Trang Thu, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

10 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng ⁽¹⁾	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar ⁽²⁾	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	15.381.516.087	15.381.516.087	15.381.516.087
Công ty Cổ phần Viccom	5.606.092.500	5.606.092.500	5.606.092.500	5.606.092.500
Các đối tượng khác	27.808.527.493	99.356.927.414	130.678.527.493	102.025.147.772
	279.280.655.736	250.829.055.657	282.150.655.736	253.497.276.015

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định căn cứ trên định giá của Ban Giám đốc về khả năng có thể thu hồi được các khoản công nợ này. Tuy nhiên, để đảm bảo độ tin cậy, Ban Giám đốc Công ty vẫn trích lập một phần dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ kể trên (xem thuyết minh số 08).

Thông tin về các khoản nợ xấu có giá trị lớn:

(1): Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng số tiền 96.856.865.496 đồng. Theo các hợp đồng thuê chấp quyết, đòi nợ, hợp đồng ủy quyền, biên bản làm việc giữa Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (PVM) và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCombank), PVCombank được toàn quyền thay mặt PVM tiến hành kiện đòi thu hồi nợ đối với Ngân hàng Agribank chi nhánh Hồng Hà là bên bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng. Hiện tại, PVCombank đã khởi kiện Agribank chi nhánh Hồng Hà liên quan đến khoản công nợ này. Do đó, khoản công nợ này là tài sản đảm bảo cho khoản vay PVCombank theo hợp đồng tín dụng số 26/TDHM - NH/TDII ngày 04/04/2011 mà Công ty đang trình bày trên khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn với số tiền 80.886.978.000 đồng. Căn cứ theo các điều trên, Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi của khoản công nợ và trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản công nợ này với số tiền 70.705.611.812 đồng.

(2): Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar số tiền 33.627.654.160 đồng. Công ty đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, là bên bảo lãnh thực hiện thanh toán cho Vina Megastar tại Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tầng 14, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

11 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÓI

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tán Hồng	96.856.865.496	(70.705.511.813)	96.856.865.495	(29.057.059.649)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	(33.627.654.160)	33.627.654.160	(33.627.654.160)
Công ty TNHH Thành Đức	20.394.119.114	(20.394.119.114)	21.344.119.114	(21.344.119.114)
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu D&T	15.485.149.669	(15.485.149.669)	16.985.149.669	(16.985.149.669)
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí JMICO	15.381.516.087	(15.381.516.087)	15.381.516.087	(10.767.061.261)
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội	8.067.090.760	(8.067.090.760)	8.067.090.760	(8.067.090.760)
Công ty TNHH Vạn Phúc	7.252.098.347	(7.252.098.347)	7.462.098.347	(7.462.098.347)
Công ty Cổ phần Viccom	5.606.092.500	(5.606.092.500)	5.606.092.500	(5.606.092.500)
Các đối tượng khác	76.610.069.603	(26.012.322.790)	42.709.932.896	(25.964.102.432)
	279.280.655.736	(207.531.555.239)	248.040.519.029	(158.880.427.892)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Tru, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

12 - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỒI HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	17.749.925.584	433.700.000	433.700.000	7.944.371.767	836.074.535	26.964.071.886				
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(180.632.396)	(194.393.152)	(375.025.548)				
Số dư cuối năm	17.749.925.584	433.700.000	433.700.000	7.763.739.371	641.681.383	26.589.046.338				
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	7.316.032.441	146.399.995	146.399.995	7.393.744.851	630.774.888	15.486.952.175				
- Khấu hao trong năm	932.594.136	39.999.995	39.999.995	408.915.003	52.345.212	1.433.854.348				
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(180.632.396)	(194.393.152)	(375.025.548)				
Số dư cuối năm	8.248.626.577	186.399.990	186.399.990	7.623.027.460	488.726.948	16.545.780.975				
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	10.433.893.143	287.300.005	287.300.005	550.626.916	205.799.647	11.477.119.711				
Tại ngày cuối năm	9.501.299.007	247.300.010	247.300.010	141.711.911	152.964.435	10.043.265.363				

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 6.428.294.795 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.325.881.108 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHÍSố 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	24.682.424.564	913.245.000	25.595.669.564
- Thanh lý, nhượng bán	-	(365.000.000)	(365.000.000)
Số dư cuối năm	<u>24.682.424.564</u>	<u>548.245.000</u>	<u>25.230.669.564</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	913.245.000	913.245.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(365.000.000)	(365.000.000)
Số dư cuối năm	-	<u>548.245.000</u>	<u>548.245.000</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	<u>24.682.424.564</u>	-	<u>24.682.424.564</u>
Tại ngày cuối năm	<u>24.682.424.564</u>	-	<u>24.682.424.564</u>

Quyền sử dụng đất không có thời hạn gồm:

- Khu đất tại địa chỉ 51 Phan Đăng Lưu, quận Hai Châu, Thành phố Đà Nẵng, diện tích 1.806,8 m²;
- Khu đất tại địa chỉ 53 Trần Phú, quận Hai Châu, Thành phố Đà Nẵng, diện tích 281,8 m²;
- Khu tại số 5 Cựm 4, phường Khuang Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Số dư cuối năm	<u>7.779.542.940</u>	<u>9.766.080.000</u>	<u>17.545.622.940</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.494.437.671	17.273.980.611
- (Chấu hao trong năm	-	119.056.908	119.056.908
Số dư cuối năm	<u>7.779.542.940</u>	<u>9.613.494.579</u>	<u>17.393.037.519</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	271.642.329	271.642.329
Tại ngày cuối năm	-	<u>152.585.421</u>	<u>152.585.421</u>

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà và đất tại Bãi Trám, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 38 Trưng Thi, Phường Hùng Trưng,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	101.316.980	54.558.275
Phi dịch vụ	531.818.182	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	66.640.940	1.500.000
	699.776.102	56.058.275
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	141.986.324	111.524.692
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	733.081.458	324.958.668
Lợi thế giá trị thương hiệu khi cổ phần hóa	27.653.200	31.474.928
Lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa (*)	28.542.933.921	28.542.933.921
Tiền thuê văn phòng của Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí	8.637.401.194	11.382.746.529
Tiền thuê đất	3.000.000.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	259.053.625	190.137.038
	41.341.509.722	40.485.775.776

(*) Theo Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần, kể từ năm 2014 Công ty được bù trừ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa với tiền thuê đất phải nộp hàng năm nên Công ty không phân bổ lợi thế vị trí địa lý vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm và sẽ bù trừ với tiền thuê đất phải nộp Nhà nước sau khi được cơ quan thuế quản lý chấp thuận. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang thực hiện các thủ tục để bù trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp.

16 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con	8.260.725.866	10.325.907.332
	8.260.725.866	10.325.907.332

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ban quản lý dự án 45-Tổng cục kỹ thuật	2.910.590.000	-
Các đối tượng khác	1.863.950.904	1.653.688.743
	4.774.540.904	1.653.688.743

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Chu kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

18 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND)	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Thương mại hàng hóa quốc tế (PC	54.708.667.193	54.708.667.193	79.473.263.232	79.473.263.232
- Công ty TNHH Thép IPC Sài Gòn	45.189.063.690	45.189.063.690	-	-
- Công ty TNHH Thành An - Hà Nội	16.117.944.150	16.117.944.150	-	-
- Công ty CP vật tư và Thiết bị Toàn Cầu	4.069.664.080	4.069.664.080	2.451.039.719	2.451.039.719
- Công ty CP Xây lắp 1 - Petrolimex	2.789.092.560	2.789.092.560	2.789.092.560	2.789.092.560
- Công ty Cổ phần tư vấn mại Linh Ngân	3.704.714.640	3.704.714.640	1.597.242.240	1.597.242.240
- Phải trả các đối tượng khác	31.752.933.226	31.752.933.226	26.853.530.265	26.853.530.265
	158.332.079.539	158.332.079.539	113.164.168.006	113.164.168.006
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	-	-	346.916.639	346.916.639

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHI

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải: đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng		1.411.094.139		2.958.812.576		4.239.791.317		130.115.698				
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu		-		32.672.596		32.672.596		-				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp		505.559.776		321.460.951		-		184.098.825				
Thuế Thu nhập cá nhân		-		1.264.963.883		1.415.166.928		26.714.185				23.326.186
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		135.000.000		850.389.389		6.426.173.089		7.276.562.478				135.000.000
Các loại thuế khác		-		3.715.469.624		10.000.000		3.725.469.624				-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-		561.495.782		290.729.105		322.850.862				1.166.547
		<u>640.559.776</u>		<u>6.685.264.280</u>		<u>11.304.812.200</u>		<u>17.012.513.805</u>				<u>346.979.557</u>
												<u>683.982.456</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	VND	VND	VND
a) Ngân hàng				
- Kinh phí công đoàn		272.254.598		255.721.693
- Bảo hiểm xã hội		-		161.363.186
- Bảo hiểm y tế		-		27.784.138
- Bảo hiểm thất nghiệp		-		12.348.117
Phải trả về cổ phần hoá		-		21.429.137.266
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả		2.248.819.978		3.075.624.878
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		320.032.900		7.195.505.520
		<u>2.841.107.476</u>		<u>32.157.484.798</u>
b) Đại hạn				
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		310.560.130		441.806.940
		<u>310.560.130</u>		<u>441.806.940</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHI

Số 08 Trưng Thị, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

21 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	119.524.002.317	119.524.002.317	120.168.256.490	134.450.900.807	105.241.358.000	105.241.358.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	11.096.494.317	11.096.494.317	-	11.096.494.317	-	-
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (P.Vcombank) (1)	92.886.978.000	92.886.978.000	-	12.000.000.000	80.886.978.000	80.886.978.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	-	-	9.670.766.490	9.670.766.490	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (2)	12.990.530.000	12.990.530.000	109.497.490.000	101.283.640.000	21.204.380.000	21.204.380.000
- Vay cá nhân (3)	2.550.000.000	2.550.000.000	1.000.000.000	400.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.070.065.000	1.070.065.000	-	189.675.000	880.390.000	880.390.000
- Vay cá nhân (4)	1.070.065.000	1.070.065.000	-	189.675.000	880.390.000	880.390.000
	120.594.067.317	120.594.067.317	120.168.256.490	134.640.575.807	106.121.748.000	106.121.748.000
b) Vay dài hạn						
- Vay cá nhân (4)	1.070.065.000	1.070.065.000	-	189.675.000	880.390.000	880.390.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (5)	-	-	993.761.520	-	993.761.520	993.761.520
	1.070.065.000	1.070.065.000	993.761.520	189.675.000	1.874.151.520	1.874.151.520
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.070.065.000)	(1.070.065.000)	-	(189.675.000)	(880.390.000)	(880.390.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	993.761.520	993.761.520



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 26/TDHM-NH/TD11, công văn 3137/TCĐK-TTGD110 ngày 29/05/2013 về việc thông báo lãi suất và trả nợ trước hạn với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 250 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ tối đa không quá 6 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: chi tiết theo từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 80.886.978.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp hàng hóa hình thành từ vốn vay và/hoặc quyền đòi nợ tương ứng với phương án vay vốn từng lần.
- (2) Hợp đồng tín dụng số HĐTD 87/2017VCB-KHĐN ngày 18/09/2017 với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 35 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 04 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 21.204.380.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản và động sản của bên vay theo các hợp đồng thế chấp số 35/2011/VCB - ĐN ngày 04/05/2011; hợp đồng thế chấp số 90/2010/VCB - ĐN ngày 20/09/2012; hợp đồng thế chấp số 162/2012/VCB - ĐN ngày 20/09/2012; hợp đồng thế chấp số 162/2012/VCB - ĐN.
- (3) Các khoản vay cá nhân với lãi suất từ 10%/năm đến 13%/năm, mục đích bổ sung vốn kinh doanh cho việc cung cấp thép xây dựng cho các công trình và mua vật tư phục vụ các gói thầu của nhà xây dựng, dạm Cà Mau. Thời hạn vay từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày nhận nợ và không có tài sản đảm bảo.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (4) Các khoản vay cá nhân, lãi suất 5% - 6%/năm. Tổng số dư vay là 880.390.000 đồng, trong đó số dư nợ đến hạn trả là 880.390.000 đồng.
- (5) Hợp đồng tín dụng số HĐTD 96/2017VCB-KHĐN ngày 06/10/2017 với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức vay: 11,5 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 07 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất 8%/năm cố định trong thời hạn 1 năm kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Các khoản lãi: ngân sau ngày 31/03/2018 và các khoản dư nợ sau thời gian áp dụng lãi suất cho vay cố định. Lãi suất cho vay là lãi suất cơ sở cộng margin. Lãi suất cơ sở là lãi suất buy động tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng do bên vay công bố điều chỉnh 01 quý 01 lần;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng toàn bộ tài sản được hình thành trong tương lai là máy móc thiết bị và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 429, Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 65/2017/VCB - ĐN ký ngày 06/10/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai số 61/2017/VCB - ĐN ký ngày 09/10/2017;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 993.761.520 đồng; trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 0 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	%	VND	%	VND	%	VND	%	
Số dư đầu năm trước	386.386.000,000		15.284.101,624		18.431.081,412		23.429.476,796		443.530.659,832
Lãi trong năm trước	-		-		25.240.022,818		810.417,705		26.050.440,523
Phân phối lợi nhuận	-		921.554,071		(18.220.102,212)		-		(17.298.548,141)
Điều chỉnh do hợp nhất	-		(9.628)		(37.876,975)		40.104,002		2.217,399
Số dư cuối năm trước	386.386.000,000		16.205.646,067		25.413.125,043		24.279.998,503		452.284.769,613
Số dư đầu năm nay	386.386.000,000		16.205.646,067		25.413.125,043		24.279.998,503		452.284.769,613
Lãi trong năm nay	-		-		28.192.982,444		645.726,267		28.838.708,711
Phân phối lợi nhuận	-		1.262.001,141		(23.100.502,966)		-		(21.838,501,825)
Số dư cuối năm nay	386.386.000,000		17.467.647,208		30.505.604,521		24.925.724,770		459.284.976,499

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 04 năm 2017, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	25.240.022,818
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%	1.262.001,141
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,00%	2.019.201,825
Trích Quỹ thưởng ban điều hành	1,98%	500.000,000
Chi trả cổ tức (bảng 3% với điều lệ)	76,54%	19.319.300,000
Lợi nhuận chưa phân phối	8,48%	2.139.519,852

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	51,58%	199.314.300.000	51,58%	199.314.300.000
Ông Nguyễn Văn Hiệp	15,58%	60.192.000.000	0,00%	-
Ông Nguyễn Nhật Định	5,77%	22.278.600.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	27,07%	104.601.100.000	48,42%	187.071.700.000
	100%	386.386.000.000	100%	386.386.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp đầu năm	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp cuối năm	386.386.000.000	386.386.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	19.319.300.000	15.455.440.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	19.319.300.000	15.455.440.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.467.647.207	16.205.646.067
	17.467.647.207	16.205.646.067

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác	51.156.113	51.156.113

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	3.275,68	4.183,42

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
	15.112.292.483	15.112.292.483

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	860.539.428.957	666.301.266.433
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.951.738.165	25.818.008.161
Doanh thu hợp đồng xây lắp	8.519.235.000	181.049.978.689
	<u>898.010.402.122</u>	<u>873.169.253.283</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	<u>62.838.494.181</u>	<u>26.164.422.606</u>

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	840.419.047.737	653.935.246.138
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.362.325.386	20.630.626.494
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	8.350.479.600	157.896.189.183
	<u>870.131.852.703</u>	<u>832.462.061.865</u>

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.837.870.406	3.870.343.049
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	415.084.601	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	83.826.968.183	100.113.086.172
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	812.058	6.060.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	933.255
	<u>88.078.735.248</u>	<u>103.990.422.476</u>

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.507.356.911	3.954.800.731
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	166.751	13.721.644
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	12.304.612	9.963.683
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	174.488.645	(19.938.492)
Chi phí tài chính khác	400.971.728	170.431.509
	<u>2.095.288.647</u>	<u>4.128.979.075</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	175.373.839	103.180.200
Chi phí nhân công	5.941.403.688	7.308.307.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	265.876.596	237.279.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.754.923.066	5.855.595.250
Chi phí khác bằng tiền	5.082.836.863	3.566.288.869
	16.218.414.052	17.070.651.265

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	704.558.500	647.302.619
Chi phí nhân công	14.228.067.971	12.150.881.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	491.031.064	710.366.622
Tàu, phí, lệ phí	95.649.941	111.051.092
Chi phí dự phòng	43.651.127.347	76.445.648.690
Phân bổ Lợi thế thương mại	2.055.181.466	2.066.068.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.961.692.296	4.916.359.086
Chi phí khác bằng tiền	6.381.496.943	6.004.743.792
	71.578.805.528	97.052.422.161

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	321.460.951	10.162.874
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(505.559.776)	(515.722.650)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trung năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(184.098.825)	(505.559.776)

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	28.192.982.444	25.240.022.818
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	28.192.982.444	25.240.022.818
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	38.638.600	38.638.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	730	653

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Hoạt động của công ty trong năm chủ yếu là hoạt động thương mại, vì vậy Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đã thuyết minh các yếu tố của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Thuyết minh số 28 và Thuyết minh số 29.

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	40.145.680.189	-	124.635.804.183	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	489.701.249.423	(201.612.659.575)	436.368.156.485	(157.961.532.228)
Các khoản cho vay	81.547.245.522	-	-	-
	<u>613.396.175.134</u>	<u>(201.612.659.575)</u>	<u>561.033.960.670</u>	<u>(157.961.532.228)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			107.115.509.520	120.594.067.317
Phải trả người bán, phải trả khác			161.483.747.145	145.763.459.744
Còn phải trả			1.276.924.168	7.192.040.215
			<u>269.876.180.833</u>	<u>273.549.567.276</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được được biến bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.145.680.189	-	-	40.145.680.189
Phải thu khách hàng, phải thu khác	285.594.899.023	1.495.690.825	-	288.090.589.848
Các khoản cho vay	83.547.245.522	-	-	83.547.245.522
	<u>410.187.824.734</u>	<u>1.495.690.825</u>	<u>-</u>	<u>411.783.515.559</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.655.804.185	-	-	124.655.804.185
Phải thu khách hàng, phải thu khác	276.910.728.007	1.495.896.250	-	278.406.624.257
	<u>401.566.532.192</u>	<u>1.495.896.250</u>	<u>-</u>	<u>403.062.428.442</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm</u> <u>trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	106.121.748.000	993.761.520	-	107.115.509.520
Phải trả người bán, phải trả khác	161.173.187.015	310.580.130	-	161.483.767.145
Chi phí phải trả	1.276.924.168	-	-	1.276.924.168
	<u>268.571.859.183</u>	<u>1.304.321.650</u>	<u>-</u>	<u>269.876.180.833</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	120.594.067.317	-	-	120.594.067.317
Phải trả người bán, phải trả khác	145.321.652.804	441.806.940	-	145.763.459.744
Chi phí phải trả	7.192.040.215	-	-	7.192.040.215
	<u>273.107.760.336</u>	<u>441.806.940</u>	<u>-</u>	<u>273.549.567.276</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là hoạt động thương mại và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm tài chính:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		62.838.494.181	26.164.422.606
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	42.461.901.357	12.615.086.410
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Công ty mẹ	7.533.217.122	12.466.630.938
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Công ty mẹ	1.705.303.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Công ty mẹ	11.040.399.000	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	96.673.702	82.705.258
Mua hàng hóa, dịch vụ		929.553.932	1.390.939.177
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	929.553.932	1.390.939.177

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		32.275.317.702	20.461.906.388
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	-	13.876.595.051
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Công ty mẹ	25.150.258.552	6.585.311.337
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Công ty mẹ	1.876.933.300	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Công ty mẹ	5.266.765.850	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	41.360.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn		-	346.916.639
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	-	346.916.639

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu phạt của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.976.455.221	3.106.877.596
- Trong đó: Thu nhập của Giám đốc	589.745.890	459.872.120

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thị, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

		
_____ Lý Lệ Ninh Người lập	_____ Hoàng Minh Đức Kế toán trưởng	_____ Nguyễn Đình Trung Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-35



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đình Trung	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Việt Hưng	Ủy viên	
Bà Tô Ngọc Tuyết	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2017
Ông Mai Quang Vinh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2017

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Trung	Giám đốc
Ông Lê Ngọc Dũng	Phó Giám đốc
Ông Phan Trung Nghĩa	Phó Giám đốc
Ông Bùi Hữu Lạc	Phó Giám đốc
Ông Trương Văn Thục	Phó Giám đốc
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lý Thu Vân	Trưởng ban
Bà Hà Thị Thanh Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hòa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc 


Nguyễn Đình Trung

Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 05 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		389.127.083.299	393.352.779.406
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	33.405.474.077	117.718.474.843
111	1. Tiền		13.405.474.077	47.171.229.321
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	70.547.245.522
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	83.547.245.522	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		83.547.245.522	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		248.031.108.118	243.160.307.626
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	425.059.615.484	377.003.943.712
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.498.490.910	2.027.200.786
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	11.641.348.361	11.654.602.776
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(191.168.346.637)	(147.525.439.648)
140	IV. Hàng tồn kho	9	23.116.123.377	32.018.916.765
141	1. Hàng tồn kho		23.116.123.377	32.018.916.765
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.027.132.205	455.080.172
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	584.068.508	44.367.218
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		156.335.474	151.865.463
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	286.728.223	258.847.491
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		304.193.560.421	307.258.632.661
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.000.000.000	1.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		11.145.060.051	11.612.811.406
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	518.785.851	986.537.206
222	- Nguyên giá		7.535.247.435	7.729.640.587
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.016.461.584)	(6.743.103.381)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	10.626.274.200	10.626.274.200
228	- Nguyên giá		11.144.239.200	11.509.239.200
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(517.965.000)	(882.965.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	152.585.421	271.642.329
231	- Nguyên giá		17.545.622.940	17.545.622.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.393.037.519)	(17.273.980.611)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	253.949.568.647	254.326.889.384
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.628.213.760	79.628.213.760
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.447.257.429	1.447.257.429
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		189.168.719.573	189.168.719.573
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(16.294.622.115)	(15.917.301.378)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		37.946.346.302	40.047.289.542
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	37.946.346.302	40.047.289.542
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		693.320.643.720	700.611.412.067

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		242.758.083.802	257.828.396.695
310	I. Nợ ngắn hạn		242.758.083.802	257.828.396.695
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	149.623.155.550	102.469.600.417
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.949.570.004	1.035.169.043
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	626.599.265	6.554.920.510
314	4. Phải trả người lao động		3.510.552.711	2.814.288.422
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		195.942.567	7.063.197.791
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.586.144.851	31.915.504.961
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	81.767.368.000	105.053.537.317
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		498.750.854	922.178.234
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		450.562.559.918	442.783.015.372
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	450.562.559.918	442.783.015.372
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		17.341.822.677	16.079.821.536
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		46.834.737.241	40.317.193.836
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		17.216.690.870	13.814.796.344
421b	LNST chưa phân phối năm nay		29.618.046.371	26.502.397.492
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		693.320.643.720	700.611.412.067

17
01
17
A
17

Lý Lê Ninh
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởngNguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	676.513.358.534	651.666.188.976
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	10.137.090
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		676.513.358.534	651.656.051.886
11	4. Giá vốn hàng bán	21	659.411.431.661	622.084.891.618
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.101.926.873	29.571.160.268
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	88.061.858.583	103.962.204.357
22	7. Chi phí tài chính	23	910.159.978	2.881.103.936
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		123.202.916	2.177.037.655
25	8. Chi phí bán hàng	24	7.978.861.580	7.790.049.735
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	66.436.544.112	92.077.309.170
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29.838.219.786	30.784.901.784
31	11. Thu nhập khác		335.675.109	2.453.371.946
32	12. Chi phí khác		555.848.524	6.735.876.238
40	13. Lợi nhuận khác		(220.173.415)	(4.282.504.292)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.618.046.371	26.502.397.492
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		29.618.046.371	26.502.397.492

(Handwritten signatures)



Lý Lệ Ninh
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		29.618.046.371	26.502.397.492
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		586.808.263	4.596.738.160
03	- Các khoản dự phòng		44.020.227.726	70.976.853.818
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		8.497.846	(933.255)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(87.648.773.982)	(103.961.271.102)
06	- Chi phí lãi vay		123.202.916	2.177.037.655
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(13.291.990.860)	290.822.768
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(48.546.058.224)	(99.574.725.650)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		8.902.793.388	118.887.943.647
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		11.593.851.124	(4.203.050.384)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.561.241.950	3.191.150.124
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.250.965.336)	(1.820.855.277)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		107.638.084	81.200.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.050.267.289)	(872.392.047)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(44.973.757.163)	15.980.093.181
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(36.180.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(83.547.245.522)	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		87.648.773.982	72.361.011.718
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.101.528.460	72.324.831.718
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		9.670.766.490	19.216.082.625
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(32.956.935.807)	(69.273.108.047)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(20.146.104.900)	(14.316.055.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(43.432.274.217)	(64.373.081.222)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(84.304.502.920)	23.931.843.677

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

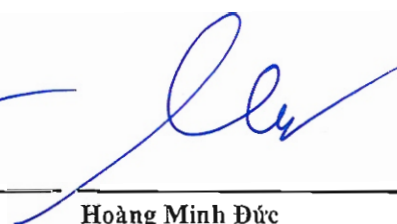
Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

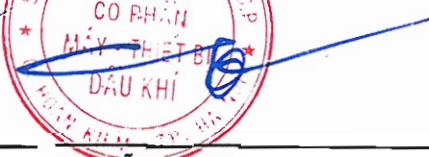
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		117.718.474.843	93.785.697.911
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.497.846)	933.255
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>33.405.474.077</u>	<u>117.718.474.843</u>



Lý Lệ Ninh
Người lập



Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 386.386.000.000 đồng; tương đương 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Tính đến hết năm 2016, các công trình xây lắp với giá trị lớn của Công ty đều đã thực hiện xong và trong giai đoạn chờ quyết toán. Trong năm 2017, Công ty có phát sinh hoạt động xây lắp nhưng hợp đồng ký được đều là các hợp đồng với giá trị không lớn nên doanh thu từ hoạt động xây lắp sụt giảm mạnh so với năm trước. Bên cạnh đó, Công ty hiện đang là một trong các bên cung cấp thép cho dự án chống ngập tại thành phố Hồ Chí Minh; do dự án đang trong quá trình triển khai gấp rút nên công ty phải cung cấp lượng hàng lớn cho dự án, chính vì vậy doanh thu hoạt động thương mại của Công ty năm nay tăng mạnh so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có duy nhất một đơn vị trực thuộc là Trung tâm Hợp tác lao động và Dịch vụ quốc tế - Chi nhánh Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí. Chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định và bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 07 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 07 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 năm |

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 04 - 25 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 04 năm |

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh (thương hiệu) phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

Theo Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần, kể từ năm 2014 Công ty được bù trừ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa với tiền thuê đất phải nộp hàng năm nên Công ty không phân bổ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm và sẽ bù trừ với tiền thuê đất phải nộp Nhà nước sau khi được cơ quan thuế quản lý chấp thuận. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang thực hiện các thủ tục để bù trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	869.954.936	1.622.377.722
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.535.519.141	45.548.851.599
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	70.547.245.522
	<u>33.405.474.077</u>	<u>117.718.474.843</u>

Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng với lãi suất 5,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	83.547.245.522	83.547.245.522	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	83.547.245.522	83.547.245.522	-	-
	83.547.245.522	83.547.245.522	-	-

Tại ngày 31/12/2017, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,8%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con		VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	79.628.213.760	(11.627.859.936)	79.628.213.760	(11.656.780.331)
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	30.000.000.000	(1.627.859.936)	30.000.000.000	(1.656.780.331)
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	49.628.213.760	-	49.628.213.760	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	1.447.257.429	(1.229.874.348)	1.447.257.429	(998.121.861)
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	1.447.257.429	(1.229.874.348)	1.447.257.429	(998.121.861)
Đầu tư vào đơn vị khác	189.168.719.573	(3.436.887.831)	189.168.719.573	(3.262.399.186)
- Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	(2.016.000.000)	2.016.000.000	(2.016.000.000)
- Công ty TNHH FCC Việt Nam	49.495.000.000	-	49.495.000.000	-
- Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	11.781.000.000	-	11.781.000.000	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Nam	841.102.790	(680.584.599)	841.102.790	(680.584.599)
- Công ty CP PEC Hà Nội	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô SHOWA Việt Nam	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
- Công ty CP Đông mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	(740.303.232)	3.621.000.000	(565.814.587)
- Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội (*)	81.741.478.800	-	81.741.478.800	-
	270.244.190.762	(16.294.622.115)	270.244.190.762	(15.917.301.378)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*): Đây là giá trị 10% phần vốn góp tại dự án "Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội" thuộc lô HH3 của dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội mà Công ty đã nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần IMICO với mục đích gán trừ công nợ. Căn cứ trên định hướng kinh doanh cũng như tiềm lực của Công ty, Ban Giám đốc dự kiến sẽ chuyển nhượng lại phần vốn góp này khi có điều kiện thích hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	49,78%	(*)	Thương mại và cho thuê máy móc, thiết bị

(*) Tuy công ty chỉ nắm giữ 49,78% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì nhân sự của Công ty chiếm 4/5 vị trí trong Hội đồng Quản trị, Trường ban kiểm soát cũng là người của Công ty nên Công ty có toàn quyền chi phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí Đà Nẵng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 31.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	Thành phố Vinh	3,25%	3,25%	Sản xuất nước dứa
Công ty TNHH FCC Việt Nam	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Nam	Thành phố Hà Nội	12,13%	12,13%	Thương mại
Công ty CP PEC Hà Nội	Thành phố Hà Nội	6,00%	6,00%	Xây lắp
Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô SHOWA Việt Nam	Thành phố Hà Nội	8,45%	8,45%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Tỉnh Đồng Nai	1,80%	1,80%	Đóng mới, sửa chữa tàu
Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Trung Nam	56.305.253.124	66.336.264.728
- Công ty CP kết cấu kim loại & lắp máy Dầu khí	31.992.941.148	-
- Ban quản lý dự án hỗ trợ y tế các tỉnh ĐBB và ĐBSH	28.957.048.837	-
- Công ty CP XNK Tân Hồng	96.856.865.496	96.856.865.496
- Công ty CP Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	20.087.152.055	19.811.821.959
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	15.381.516.087
- Các khoản phải thu khách hàng khác	141.851.184.577	144.989.821.282
	425.059.615.484	377.003.943.712
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	52.362.469.757	40.273.728.347
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.		

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	6.915.139.724	-	6.915.139.724	-
Tạm ứng	2.179.694.500	-	2.378.829.500	-
Ký cược, ký quỹ	15.635.042	-	15.971.941	-
Phải thu khác	2.530.879.095	(2.252.669.095)	2.344.661.611	(2.262.669.095)
	11.641.348.361	(2.252.669.095)	11.654.602.776	(2.262.669.095)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

7 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng ⁽¹⁾	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	15.381.516.087	15.381.516.087	15.381.516.087
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar ⁽²⁾	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
Công ty Cổ phần Viccom	5.606.092.500	5.606.092.500	5.606.092.500	5.606.092.500
Các đối tượng khác	65.847.572.078	48.759.180.601	68.467.572.078	51.169.180.601
	217.319.700.321	200.231.308.844	219.939.700.321	202.641.308.844

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định căn cứ trên đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng có thể thu hồi được các khoản công nợ này. Tuy nhiên, để đảm bảo thận trọng, Ban Giám đốc Công ty vẫn trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ kể trên (xem thuyết minh số 08)."

Thông tin về các khoản nợ xấu có giá trị lớn:

(1): Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng số tiền 96.856.865.496 đồng. Theo các hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ, hợp đồng ủy quyền, biên bản làm việc giữa Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (PVM) và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCombank), PVCombank được toàn quyền thay mặt PVM tiến hành kê thu hồi nợ đối với Ngân hàng Agribank chi nhánh Hồng Hà là bên bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng. Hiện tại, PVCombank đã khởi kiện Agribank chi nhánh Hồng Hà liên quan đến khoản công nợ này. Do đó, khoản công nợ này là tài sản đảm bảo cho khoản vay PVCombank theo hợp đồng tín dụng số 26/TDHM – NH/TD11 ngày 04/04/2011 mà Công ty đang trình bày trên khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn với số tiền 80.886.978.000 đồng. Căn cứ theo các điều trên, Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi của khoản công nợ và trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản công nợ này với số tiền 70.705.611.812 đồng.

(2): Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar số tiền 33.627.654.160 đồng. Công ty đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, là bên bảo lãnh thực hiện thanh toán cho Vina Megastar tại Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

8 . DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÓI

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	(70.705.511.812)	96.856.865.496	(29.057.059.649)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	(33.627.654.160)	33.627.654.160	(33.627.654.160)
Công ty TNHH Thành Đức	20.394.119.114	(20.394.119.114)	21.344.119.114	(21.344.119.114)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu D&T	15.485.149.669	(15.485.149.669)	16.985.149.669	(16.985.149.669)
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	(15.381.516.087)	15.381.516.087	(10.767.061.261)
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội	8.067.090.760	(8.067.090.760)	8.067.090.760	(8.067.090.760)
Công ty TNHH Vạn Phúc	7.252.098.347	(7.252.098.347)	7.462.098.347	(7.462.098.347)
Công ty Cổ phần Viccom	5.606.092.500	(5.606.092.500)	5.606.092.500	(5.606.092.500)
Các đối tượng khác	14.649.114.188	(14.649.114.188)	14.609.114.188	(14.609.114.188)
	217.319.700.321	(191.168.346.637)	219.939.700.321	(147.525.439.648)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	373.617.693	-	373.617.693	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.910.430.493	-	19.969.726.373	-
Hàng hoá	2.832.075.191	-	11.675.572.699	-
	23.116.123.377	-	32.018.916.765	-

Trong đó:

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 366.781.347 đồng.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.211.033.146	5.883.637.905	634.969.536	7.729.640.587
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(194.393.152)	(194.393.152)
Số dư cuối năm	1.211.033.146	5.883.637.905	440.576.384	7.535.247.435
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	803.759.592	5.356.290.699	583.053.090	6.743.103.381
- Khấu hao trong năm	60.967.428	385.635.295	21.148.632	467.751.355
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(194.393.152)	(194.393.152)
Số dư cuối năm	864.727.020	5.741.925.994	409.808.570	7.016.461.584
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	407.273.554	527.347.206	51.916.446	986.537.206
Tại ngày cuối năm	346.306.126	141.711.911	30.767.814	518.785.851

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.330.310.548 đồng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	10.626.274.200	882.965.000	11.509.239.200
- Thanh lý, nhượng bán	-	(365.000.000)	(365.000.000)
Số dư cuối năm	10.626.274.200	517.965.000	11.144.239.200
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	882.965.000	882.965.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(365.000.000)	(365.000.000)
Số dư cuối năm	-	517.965.000	517.965.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	10.626.274.200	-	10.626.274.200
Tại ngày cuối năm	10.626.274.200	-	10.626.274.200

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Giá trị quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Số dư cuối năm	<u>7.779.542.940</u>	<u>9.766.080.000</u>	<u>17.545.622.940</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.494.437.671	17.273.980.611
- Khấu hao trong năm	-	119.056.908	119.056.908
Số dư cuối năm	<u>7.779.542.940</u>	<u>9.613.494.579</u>	<u>17.393.037.519</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	271.642.329	271.642.329
Tại ngày cuối năm	-	<u>152.585.421</u>	<u>152.585.421</u>

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà và đất tại Bãi Trám, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	52.250.326	44.367.218
Phí dịch vụ	531.818.182	-
	<u>584.068.508</u>	<u>44.367.218</u>
b) Dài hạn		
Lợi thế giá trị thương hiệu khi cổ phần hóa	27.653.200	33.474.928
Lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa (*)	28.542.933.921	28.542.933.921
Tiền thuê văn phòng	8.637.401.194	11.282.746.529
Chi phí sửa chữa văn phòng	516.045.890	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	222.312.097	188.134.164
	<u>37.946.346.302</u>	<u>40.047.289.542</u>

(*) Theo Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần, kể từ năm 2014 Công ty được bù trừ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa với tiền thuê đất phải nộp hàng năm nên Công ty không phân bổ lợi thế vị trí địa lý vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm và sẽ bù trừ với tiền thuê đất phải nộp Nhà nước sau khi được cơ quan thuế quản lý chấp thuận. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang thực hiện các thủ tục để bù trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Thương mại hàng hóa quốc tế IPC	54.708.667.193	54.708.667.193	79.473.263.222	79.473.263.222
- Công ty TNHH Thép IPC Sài Gòn	45.189.063.690	45.189.063.690	-	-
- Công ty TNHH Thành An - Hà Nội	16.117.944.150	16.117.944.150	-	-
- Công ty CP vật tư và thiết bị Toàn Cầu	4.069.664.080	4.069.664.080	2.451.039.719	2.451.039.719
- Công ty CP Xây lắp 1 - Petrolimex	2.789.092.560	2.789.092.560	2.789.092.560	2.789.092.560
- Công ty Cổ phần thương mại Linh Ngân	3.704.714.640	3.704.714.640	1.597.242.240	1.597.242.240
- Phải trả các đối tượng khác	23.044.009.237	23.044.009.237	16.158.962.676	16.158.962.676
	149.623.155.550	149.623.155.550	102.469.600.417	102.469.600.417
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	346.916.639	346.916.639
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.)				

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		1.304.338.465		2.107.263.935		3.315.965.095		-		95.637.305	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		32.072.501		32.072.501		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	123.847.491		-		-		-		123.847.491		-	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		123.227.250		1.090.419.680		1.239.939.727		26.714.185		421.388	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	135.000.000		850.389.389		2.700.222.189		3.550.611.578		135.000.000		-	
Các loại thuế khác	-		3.715.469.624		3.000.000		3.718.469.624		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		561.495.782		272.818.250		304.940.007		1.166.547		530.540.572	
	258.847.491		6.554.920.510		6.205.796.555		12.161.998.532		286.728.223		626.599.265	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
- Kinh phí công đoàn	227.278.098		223.727.981	
- Bảo hiểm xã hội	-		161.363.186	
- Bảo hiểm y tế	-		27.784.138	
- Bảo hiểm thất nghiệp	-		12.348.117	
- Phải trả về cổ phần hoá	-		21.429.137.266	
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.248.819.978		3.075.624.878	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	110.046.775		6.985.519.395	
	2.586.144.851		31.915.504.961	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

17 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	103.983.472.317	103.983.472.317	9.670.766.490	32.767.260.807	80.886.978.000	80.886.978.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	11.096.494.317	11.096.494.317	-	11.096.494.317	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	-	-	9.670.766.490	9.670.766.490	-	-
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Pvcombank) ⁽¹⁾	92.886.978.000	92.886.978.000	-	12.000.000.000	80.886.978.000	80.886.978.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.070.065.000	1.070.065.000	-	189.675.000	880.390.000	880.390.000
- Vay cá nhân ⁽²⁾	1.070.065.000	1.070.065.000	-	189.675.000	880.390.000	880.390.000
	105.053.537.317	105.053.537.317	9.670.766.490	32.956.935.807	81.767.368.000	81.767.368.000
b) Vay dài hạn						
- Vay cá nhân ⁽²⁾	1.070.065.000	1.070.065.000	-	189.675.000	880.390.000	880.390.000
	1.070.065.000	1.070.065.000	-	189.675.000	880.390.000	880.390.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1): Khoản vay với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 26/TDHM-NH/TD11, công văn 3137/TCĐK-TTGDHO ngày 29/05/2013 về việc thông báo lãi suất và trả nợ trước hạn với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 250 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ tối đa không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: chi tiết theo từng giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 80.886.978.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp hàng hóa hình thành từ vốn vay và/hoặc quyền đòi nợ tương ứng với phương án vay vốn từng lần.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(2): Các khoản vay cá nhân, lãi suất 5% - 6%/ năm. Tổng số dư vay là 880.390.000 đồng, trong đó số dư nợ đến hạn trả là 880.390.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	386.386.000.000	15.158.267.465	32.034.898.556	433.579.166.021
Lãi trong năm trước	-	-	26.502.397.492	26.502.397.492
Phân phối lợi nhuận	-	921.554.071	(18.220.102.212)	(17.298.548.141)
Số dư cuối năm trước	<u>386.386.000.000</u>	<u>16.079.821.536</u>	<u>40.317.193.836</u>	<u>442.783.015.372</u>
Số dư đầu năm nay	386.386.000.000	16.079.821.536	40.317.193.836	442.783.015.372
Lãi trong năm nay	-	-	29.618.046.371	29.618.046.371
Phân phối lợi nhuận	-	1.262.001.141	(23.100.502.966)	(21.838.501.825)
Số dư cuối năm nay	<u>386.386.000.000</u>	<u>17.341.822.677</u>	<u>46.834.737.241</u>	<u>450.562.559.918</u>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 04 năm 2017, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016	100,00%	25.240.022.818
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%	1.262.001.141
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,00%	2.019.201.825
Trích Quỹ thưởng ban điều hành	1,98%	500.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 5% vốn điều lệ)	76,54%	19.319.300.000
Lợi nhuận chưa phân phối	8,48%	2.139.519.852

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	51,58%	199.314.300.000	51,58%	199.314.300.000
Ông Nguyễn Văn Hiệp	15,58%	60.192.000.000	0,00%	-
Ông Nguyễn Nhật Định	5,77%	22.278.600.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	27,07%	104.601.100.000	48,42%	187.071.700.000
	<u>100%</u>	<u>386.386.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>386.386.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp đầu năm	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp cuối năm	386.386.000.000	386.386.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	19.319.300.000	15.455.440.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	19.319.300.000	15.455.440.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

d) Cổ phiếu		
	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.638.600	38.638.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.341.822.677	16.079.821.536
	<u>17.341.822.677</u>	<u>16.079.821.536</u>
19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
a) Tài sản nhận giữ hộ		
	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác	51.156.113	51.156.113
b) Ngoại tệ các loại		
	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.147,03	2.073,92
c) Nợ khó đòi đã xử lý		
	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
	13.933.607.722	13.933.607.722
20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	652.614.334.876	455.957.520.728
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.379.788.658	14.658.689.559
Doanh thu hợp đồng xây lắp	8.519.235.000	181.049.978.689
	<u>676.513.358.534</u>	<u>651.666.188.976</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.)	<u>63.818.985.423</u>	<u>27.931.918.697</u>
21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	640.177.165.910	451.634.087.912
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.883.786.151	12.554.614.523
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	8.350.479.600	157.896.189.183
	<u>659.411.431.661</u>	<u>622.084.891.618</u>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.821.805.799	3.848.184.930
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	413.084.601	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	83.826.968.183	100.113.086.172
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	933.255
	88.061.858.583	103.962.204.357

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	123.202.916	2.177.037.655
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	166.751	2.429.644
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	8.497.846	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	377.320.737	531.205.128
Chi phí tài chính khác	400.971.728	170.431.509
	910.159.978	2.881.103.936

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	172.372.599	89.372.305
Chi phí nhân công	3.926.267.977	5.301.515.316
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.086.892.937	1.209.813.836
Chi phí khác bằng tiền	1.793.328.067	1.189.348.278
	7.978.861.580	7.790.049.735

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	603.675.080	593.344.103
Chi phí nhân công	12.600.452.868	10.539.500.927
Chi phí khấu hao tài sản cố định	467.751.355	654.495.510
Thuế, phí, lệ phí	69.491.759	65.984.910
Chi phí dự phòng	43.642.906.989	70.445.648.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.709.117.851	4.545.382.603
Chi phí khác bằng tiền	5.343.148.210	5.232.952.427
	66.436.544.112	92.077.309.170

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.618.046.371	26.502.397.492
Các khoản điều chỉnh tăng	378.830.134	8.412.649.397
- Chi phí không hợp lệ	378.830.134	8.412.649.397
Các khoản điều chỉnh giảm	(83.826.968.183)	(100.113.086.172)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(83.826.968.183)	(100.113.086.172)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(53.830.091.678)	(65.198.039.283)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(123.847.491)	(123.847.491)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(123.847.491)	(123.847.491)

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Hoạt động của công ty trong năm chủ yếu là hoạt động thương mại, vì vậy Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đã thuyết minh các yếu tố của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 25.

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.405.474.077	-	117.718.474.843	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	437.700.963.845	(190.249.450.973)	389.658.546.488	(146.606.543.984)
Các khoản cho vay	83.547.245.522	-	-	-
	554.653.683.444	(190.249.450.973)	507.377.021.331	(146.606.543.984)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	81.767.368.000	105.053.537.317
Phải trả người bán, phải trả khác	152.209.300.401	134.385.105.378
Chi phí phải trả	195.942.567	7.063.197.791
	234.172.610.968	246.501.840.486

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.405.474.077	-	-	33.405.474.077
Phải thu khách hàng, phải thu khác	246.451.512.872	1.000.000.000	-	247.451.512.872
Các khoản cho vay	83.547.245.522	-	-	83.547.245.522
	<u>363.404.232.471</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>364.404.232.471</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.718.474.843	-	-	117.718.474.843
Phải thu khách hàng, phải thu khác	242.052.002.504	1.000.000.000	-	243.052.002.504
	<u>359.770.477.347</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>360.770.477.347</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	81.767.368.000	-	-	81.767.368.000
Phải trả người bán, phải trả khác	152.209.300.401	-	-	152.209.300.401
Chi phí phải trả	195.942.567	-	-	195.942.567
	<u>234.172.610.968</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>234.172.610.968</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	105.053.537.317	-	-	105.053.537.317
Phải trả người bán, phải trả khác	134.385.105.378	-	-	134.385.105.378
Chi phí phải trả	7.063.197.791	-	-	7.063.197.791
	<u>246.501.840.486</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>246.501.840.486</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là hoạt động thương mại và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm tài chính:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		63.818.985.423	27.931.918.697
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	42.461.901.357	12.615.086.410
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Công ty mẹ	7.533.217.122	13.466.630.938
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Công ty mẹ	1.706.303.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Công ty mẹ	11.040.399.000	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	96.673.702	82.705.258
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	980.491.242	1.767.496.091
Mua hàng hóa, dịch vụ		1.176.457.741	3.247.574.432
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	929.553.932	1.390.939.177
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	246.903.809	1.856.635.255

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		52.362.469.757	40.273.728.347
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	-	13.876.595.051
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Công ty mẹ	25.150.258.552	6.585.311.337
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Công ty mẹ	1.876.933.300	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Công ty mẹ	5.206.765.850	-
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	20.087.152.055	19.811.821.959
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	41.360.000	-
Phải thu khác		6.915.139.724	6.915.139.724
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	6.915.139.724	6.915.139.724
Phải trả người bán ngắn hạn		-	346.916.639
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	-	346.916.639

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.976.455.221	3.106.877.596
- Trong đó: Thu nhập của Giám đốc	589.745.890	459.873.120

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lý Lệ Ninh
Người lập



Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2018



TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

Stt	Nội dung	Tiêu chí	Số tiền (đồng)
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(MS 421)	30.505.604.521
1	Các năm trước để lại	(MS 421a)	2.312.622.077
2	Năm 2017	(MS 421a)	28.192.982.444
II	Lợi nhuận sau thuế được phân phối		27.905.142.454
1	Quỹ đầu tư phát triển	= I.2 x 5%	1.409.649.122
2	Quỹ khen thưởng	= I.2 x 4,5%	1.268.684.210
3	Quỹ phúc lợi	= I.2 x 5%	1.409.649.122
4	Quỹ thưởng Ban điều hành	= 1,5 x TLBQ TH của NQL	634.000.000
5	Chi trả cổ tức	= 6% x VĐL	23.183.160.000
III	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại		2.600.462.067

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định lựa chọn thời gian và địa điểm trả cổ tức phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty và lợi ích của cổ đông.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Nội dung	Kế hoạch phân phối
1	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	2.600.462.067
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2018 (LNST) (Theo kế hoạch SXKD năm 2018)	32.000.000.000
3	Trích lập các quỹ và chia cổ tức	
a	Trích quỹ đầu tư phát triển	5% x LNST
b	Trích quỹ khen thưởng	5% x LNST
c	Trích quỹ phúc lợi	5% x LNST
d	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	3% x LNST
e	Chi trả cổ tức	7% x VĐL

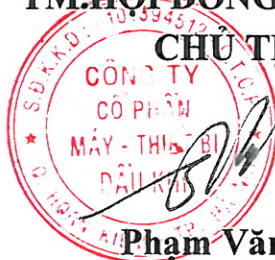
Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiệp

TỜ TRÌNH

**V/v: Quyết toán tiền lương/thù lao của HĐQT, BKS năm 2017
và phương án chi trả tiền lương/thù lao HĐQT, BKS năm 2018**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ban hành ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí,

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán tiền lương/ thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và phương án chi trả năm 2018 như sau:

1. Quyết toán tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017:

- Tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị:
- + Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT chi trả tiền lương theo Quy chế và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty: 1.801.768.004 đồng.
- + Thù lao Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm: 60.000.000 đồng (3.000.000 đồng/người/tháng).
- Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát:
- + Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách chi trả tiền lương theo Quy chế và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty: 414.587.601 đồng.
- + Thù lao Ủy viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 48.000.000 đồng (2.000.000 đồng/người/tháng).

2. Phương án chi trả năm 2018:

- Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT; Trưởng Ban kiểm soát và Ủy viên Ban kiểm soát chuyên trách: Hưởng lương theo Quy chế và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ủy viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm:
- + Thù lao của Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm: 3.000.000đ/người/tháng

+ Thù lao của Ủy viên BKS kiêm nhiệm: 2.000.000đ/người/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiệp

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Nghị quyết số 0008/NQ/MTB – HĐQT ngày 24/01/2018 của Hội đồng quản trị Công ty thông qua Kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty và giao/chấp thuận các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 cho các đơn vị;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch SXKD năm 2018 như sau:

1. **Nhiệm vụ trọng tâm.**

- Bố trí nhân sự, chủ động hàng hóa tập trung thực hiện các dự án, hợp đồng đã trúng thầu đảm bảo chất lượng, hiệu quả.
- Cung cấp vật tư đầu vào cho các nhà máy điện của Tổng Công ty như Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau 1&2, Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh,...
- Tập trung quyết liệt xử lý, thu hồi công nợ, cụ thể:
 - + Xây dựng kế hoạch thu hồi công nợ chi tiết, trong đó phân loại cụ thể những khoản nợ có thể thu hồi và những khoản nợ khó đòi.
 - + Nghiên cứu, xây dựng các phương án thu hồi nợ cụ thể có tính khả thi cao dựa trên nguyên tắc thúc đẩy hiệp thương để giải quyết thu hồi công nợ; kết hợp linh hoạt giữa các công cụ pháp lý và hòa giải nhằm mục đích thu hồi nợ tối đa (có thể thu hồi nợ bằng tiền hoặc tài sản).
- Hoàn thành các thủ tục khởi kiện sơ thẩm phúc thẩm trong năm 2018 đối với các khoản công nợ có bảo lãnh của Ngân hàng.
- Thường xuyên theo dõi, quản lý, giám sát chặt chẽ các phương án kinh doanh đảm bảo tuyệt đối không để phát sinh các khoản nợ quá hạn mới.

- Tiếp tục hỗ trợ hoạt động SXKD, công tác thu hồi công nợ của Công ty TNHH MTV Máy - TBDK Sài Gòn; xây dựng phương án tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Máy - TBDK Sài Gòn khi đủ điều kiện.
- Nghiên cứu, xây dựng phương án tái cơ cấu lĩnh vực kinh doanh, thương mại theo hướng tập trung cho các ngành nghề thế mạnh như cung cấp vật tư, hóa chất,... Xây dựng chương trình khảo sát các nhà máy điện và gặp gỡ các nhà thầu cung cấp thiết bị O&M để tìm kiếm cơ hội phát triển SXKD.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch.

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	850,00
	<i>Trong đó Công ty mẹ</i>	<i>Nt</i>	<i>820,00</i>
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	32,00
	<i>Trong đó Công ty mẹ</i>	<i>Nt</i>	<i>32,00</i>
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	32,00
	<i>Trong đó Công ty mẹ</i>	<i>Nt</i>	<i>32,00</i>
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nt	8,72
5	Giá trị đầu tư, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị	Nt	3,13
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	7

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiệp

TỜ TRÌNH

**Về việc lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán
báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí

Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí.

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách các Đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 gồm:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE);
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Đơn vị kiểm toán trong danh sách nêu trên đáp ứng yêu cầu.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lý Thu Vân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số: **0045**/MTB - HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ban hành ngày 26/11/2014;
Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số
62/2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày
24/11/2010;

Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty
áp dụng đối với Công ty của Thủ tướng Chính phủ;

Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/7/2017 hướng dẫn một số điều của
Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị
Công ty đã áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội
dung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí phù
hợp với Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

(Dự thảo nội dung Quy chế kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiệp

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày tháng 4 năm 2018
của Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí)*

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Thông tư 95/2017/TT-BTC (gọi tắt là Thông tư 95) ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Điều lệ Công ty.

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, các tổ chức cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Giám đốc (BGĐ), Ban Kiểm soát (BKS) và các cán bộ quản lý của Công ty.

Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - Quản trị Công ty: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:
 - + Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý;
 - + Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HDQT, BKS;
 - + Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - + Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - + Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty;

- + HĐQT và BKS lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.
 - Công ty: Là Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí.
 - Người điều hành doanh nghiệp: Là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng theo quy định của Điều lệ Công ty.
 - Cổ đông lớn: là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.
 - Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) hoặc Đại hội (ĐH): là ĐHĐCĐ Công ty.
 - Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán và khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp.
 - Thành viên HĐQT không điều hành: là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm.
 - Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập): là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.
 - Người phụ trách quản trị Công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ.
 - Người quản lý doanh nghiệp là người được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế văn bản đó.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3: Thông báo về triệu tập ĐHĐCĐ thường niên

1. Sau khi có Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm, HĐQT Công ty họp, ra quyết định triệu tập ĐHĐCĐ thường niên và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình Đại hội.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ

Công ty có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp.

4. HĐQT phải chuẩn bị các công việc sau:
 - Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ, thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán;
 - Chuẩn bị nội dung, chương trình ĐH, xác định thời gian, địa điểm tổ chức ĐH;
 - Thông báo về việc tổ chức ĐHĐCĐ trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin đại chúng của Sở giao dịch chứng khoán;
 - Gửi thư mời họp theo phương thức đảm bảo đến địa chỉ cổ đông đã đăng ký; thông báo về việc tổ chức ĐHĐCĐ trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày tổ chức ĐH, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ.
5. Thông báo, thư mời họp phải ghi rõ nội dung chương trình ĐH, các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại ĐH, thời gian và địa điểm tổ chức. Kèm theo thư mời họp gửi cho cổ đông phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, mẫu xác nhận dự họp (nếu cần), chương trình họp, các tài liệu thảo luận cơ sở để thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình ĐH. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS;
 - Thẻ biểu quyết;
 - Ủy quyền tham dự họp;
 - Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 4. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi sẵn trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua fax, gửi thư hoặc thư điện tử cho Công ty trước thời hạn ghi trong thư mời.
2. Nếu cổ đông không thể tham dự ĐH thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn

bản theo mẫu của Công ty gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Trường hợp là cá nhân ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền;
- Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức và người được ủy quyền dự họp;
- Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của người đại diện. Đại diện ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác;
- Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải mang theo chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

Điều 5. Cổ đông tham dự phiên họp ĐHĐCĐ

1. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự phiên họp ĐHĐCĐ cần mang theo giấy tờ sau:
 - Chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu;
 - Giấy ủy quyền (trường hợp ủy quyền tham dự họp).
2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử, trong đó:
 - Thẻ biểu quyết có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện có đóng dấu treo của Công ty;
 - Phiếu bầu cử có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện có đóng dấu treo của Công ty.

Điều 6. Cách thức Bầu cử, biểu quyết tại phiên họp ĐHĐCĐ

1. Tất cả các nội dung trong chương trình họp ĐHĐCĐ đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến của tất cả cổ đông, đại diện theo ủy quyền cổ đông tham dự bằng Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện.
2. Trình tự biểu quyết đối với từng nội dung được đưa ra trước ĐH:
 - Đồng ý với nội dung vừa được trình;
 - Không đồng ý với nội dung vừa được trình;
 - Có ý kiến khác với nội dung vừa được trình.

3. Phương thức bầu, biểu quyết.
 - Phương thức giờ “Thẻ biểu quyết”: Khi tiến hành biểu quyết tại ĐH, mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giờ thẻ biểu quyết lên cao. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung tại ĐH.
 - Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
 - Phương thức nộp “Phiếu bầu cử”: Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô có tên người mình muốn bầu.
4. Tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử:
 - a. Thẻ biểu quyết:
 - Về hình thức: Thẻ hợp lệ là thẻ in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có dấu treo của Công ty, không tẩy xóa.
 - Về nội dung: Thẻ biểu quyết không ghi thêm nội dung nào khác ngoài quy định trên.
 - b. Phiếu bầu cử:
 - Không ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
 - Đánh dấu “X” bằng bút mực hoặc bút bi, không ghi bằng bút chì, không gạch tên ứng cử viên;
 - Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu được phép bầu của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
 - Phiếu nộp trước khi Ban kiểm phiếu mở niêm phong thùng phiếu.
5. Giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu.
 - ĐH bầu những người chịu trách nhiệm giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu. Số thành viên Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định.
 - Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự phiên họp và kiểm tra số Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử của từng nội dung; ghi nhận và báo cáo kết quả biểu quyết, bầu cử tại phiên họp ĐHĐCĐ.

Điều 7. Ghi và lập biên bản ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập bằng tiếng Anh, các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính;
 - Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - Chương trình và nội dung họp;

- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ và ý kiến khác; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - Chữ ký chủ tọa và thư ký.
2. Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ phải đọc dự thảo Biên bản tại Đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký.
 3. Biên bản ĐHĐCĐ, kèm theo Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử, Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết toàn văn phải được thông qua tại ĐH, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại ĐH phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 8. Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ (51%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
 - Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.
2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số

cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 9. Thông báo Nghị quyết ĐHĐCĐ và Công bố thông tin

- Nghị quyết ĐHĐCĐ, Biên bản ĐHĐCĐ phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ kết thúc, trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản ĐHĐCĐ có thể được thay thế bằng việc công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
- Công ty phải công bố thông tin về ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 10. Cách thức phân đối quyết định của ĐHĐCĐ

Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ được quy định trong Điều 24 Điều lệ Công ty.

Điều 11. ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty ngoại trừ các trường hợp sau đây phải được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ:
 - Sửa đổi bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
 - Định hướng phát triển Công ty;
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - Tổ chức, giải thể lại Công ty.
2. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

- Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá năm (05) năm, thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên HĐQT

1. Ứng cử, đề cử vào HĐQT

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Nếu sau khi áp dụng các quy định về đề cử tại khoản 1 Điều 13 nêu trên mà vẫn chưa đủ số lượng ứng cử viên cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT được công bố rõ ràng và được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.
3. Danh sách, lý lịch và các thông tin liên quan của các ứng viên ứng cử hoặc đề cử vào HĐQT Công ty và cách thức gửi hồ sơ được quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

HĐQT phải họp và ra quyết định về việc bãi, miễn nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 15. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được

công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT

Điều 16. Thông báo họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp trong các trường hợp được quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
2. Giấy mời họp HĐQT phải được gửi cho thành viên HĐQT trong thời hạn ít nhất năm (05) ngày trước khi họp HĐQT kèm theo tài liệu. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
3. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 17. Điều kiện tiến hành họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 18. Cuộc họp HĐQT, cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

1. Cuộc họp HĐQT, cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT được quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.
2. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT.

Điều 19. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT đều phải được ghi vào biên bản và phải lập bằng tiếng

Việt có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở chính;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Thời gian, địa điểm;
 - Thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và lý do vắng mặt;
 - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết;
 - Tóm tắt phát biểu từng thành viên theo trình tự diễn biến;
 - Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên đồng ý, những thành viên phản đối và những thành viên bỏ phiếu trắng;
 - Các vấn đề được thông qua;
 - Biên bản họp phải có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp.
2. Trường hợp cuộc họp HĐQT được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến thì Biên bản cuộc họp phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham gia dự họp.
 3. Biên bản họp HĐQT phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp HĐQT.
 4. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Tiêu chuẩn kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau.
 - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm

toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước.

Điều 21. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử, ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy chế quy định tại Điều lệ Công ty hoặc quy định khác của Công ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 22. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 37 Điều lệ của Công ty.

Điều 23. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (NẾU CÓ)

Điều 24. Các tiểu ban thuộc HĐQT, tiêu chuẩn của thành viên tiểu ban, Trưởng tiểu ban

1. Tiểu ban là một bộ phận được HĐQT thành lập để hỗ trợ các hoạt động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, gồm các tiểu ban sau:

- Tiểu ban chính sách phát triển;
 - Tiểu ban nhân sự;
 - Tiểu ban lương thưởng;
 - Tiểu ban kiểm toán nội bộ;
 - Các tiểu ban khác (nếu có).
2. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, Trưởng tiểu ban:
- Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban;
 - Thành viên của tiểu ban phải có kiến thức hoặc kinh nghiệm về lĩnh vực tiểu ban nhận phụ trách;
 - Mỗi tiểu ban phải có một Trưởng tiểu ban do thành viên HĐQT đảm nhiệm và phải được bầu theo quyết định của HĐQT.

Điều 25. Nguyên tắc hoạt động của các Tiểu ban

1. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT.
2. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
3. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.
4. Các tiểu ban chủ động lên kế hoạch thực hiện công việc theo nhiệm vụ được giao quý, hàng năm và phải có báo cáo gửi cho HĐQT về kết quả hoạt động của tiểu ban.

Điều 26. Nhiệm vụ của các Tiểu ban

Tham mưu cho HĐQT hoạch định những chính sách và chiến lược dài hạn của Công ty và có đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện trong từng giai đoạn.

CHƯƠNG VII

**LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM
NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

Điều 27. Tiêu chuẩn lựa chọn người điều hành doanh nghiệp và cán bộ quản lý

1. Có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật, trung thực, không cơ hội, dám làm và dám chịu trách nhiệm; được tập thể tín nhiệm thông qua kết quả lấy phiếu tín nhiệm.
2. Hiểu biết và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng và Pháp luật; ý thức tổ chức kỷ luật cao; trung thực, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm, không cơ hội.
3. Có trình độ học vấn bậc đại học trở lên; có trình độ chuyên môn, quản lý, ngoại ngữ và đủ sức khoẻ để làm việc có hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.
4. Không thuộc các đối tượng đang bị cơ quan, chính quyền (các cấp) xem xét kỷ luật hoặc đang trong thời gian chịu thi hành kỷ luật với hình thức từ khiển trách trở lên và không thuộc các đối tượng cấm đảm nhiệm các chức vụ theo quy định của Pháp luật.
5. Ngoài các tiêu chuẩn chung nêu trên, đối với mỗi chức danh cụ thể, nhân sự được đề nghị bổ nhiệm còn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tiêu chuẩn cho chức vụ đó theo quy định của pháp luật, của Công ty và về cơ bản phải trong diện cán bộ được quy hoạch.

Điều 28. Bổ nhiệm người điều hành

1. HĐQT ra quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm với chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo quy định tại Điều 27, Điều 33, Điều 35 Điều lệ Công ty, quy chế quản lý tổ chức và cán bộ của Công ty và theo quy định của Pháp luật.
2. HĐQT có trách nhiệm báo cáo ĐHCĐ việc bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty.

Điều 29. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với người điều hành và người quản lý

Ký hợp đồng lao động, thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với người điều hành và người quản lý thực hiện theo Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành.

Điều 30. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành và người quản lý

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành và người quản lý trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VIII
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 31. Việc mời tham dự phiên họp của HĐQT, BKS, Giám đốc

1. HĐQT mời BKS tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT và có thể mời thêm một số thành viên Ban điều hành.
2. Tại các cuộc họp quan trọng, Trưởng BKS có thể mời một số thành viên HĐQT và Ban điều hành tham dự cuộc họp của BKS.
3. Tại các cuộc họp quan trọng, Giám đốc có thể mời một số thành viên HĐQT, BKS và Ban điều hành tham dự.
4. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung chương trình họp kèm tài liệu họp (nếu có) và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Thành viên được mời họp dự thính có thể tham gia thảo luận, ý kiến khi được chủ tọa phiên họp cho phép nhưng không có quyền biểu quyết trong cuộc họp. Biên bản, quyết định, nghị quyết cuộc họp được gửi cho các thành viên tham dự phiên họp (bao gồm cả thành viên dự thính) trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 32. Thông báo bằng văn bản của Hội đồng quản trị cho BKS và Giám Đốc

Bản sao các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác của HĐQT sẽ được chuyển đến BKS, Giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp của HĐQT kết thúc và cùng thời điểm được cung cấp cho HĐQT.

Điều 33. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin

1. Thành viên HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý các cấp phải cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và phải có chữ ký của Trưởng ban Kiểm soát.
2. Khi cần thiết, HĐQT có quyền yêu cầu các thành viên Ban Giám đốc cũng như cán bộ quản lý khác lập báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
3. Giám đốc phải cung cấp bằng văn bản các báo cáo, thông tin sau cho HĐQT, BKS:
 - Kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ, tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư và các chỉ tiêu tài chính, so sánh với kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHCĐ thông qua;

- Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty theo định kỳ (quý, 6 tháng, 9 tháng, năm) và theo yêu cầu của HĐQT.
- 4. Mọi quyết định và các văn bản chỉ đạo điều hành của Giám đốc hoặc người ủy quyền, Kế toán trưởng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều phải được gửi đến HĐQT, BKS để báo cáo.

Điều 34. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, và Giám đốc.

1. Các thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo quy quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động và kế hoạch hành động chung.
2. Trong trường hợp cần thiết, các thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc có thể thông tin trực tiếp thông qua phương tiện điện tử như điện thoại, email.
3. HĐQT tạo điều kiện cho các thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và cán bộ quản lý khác tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị.

CHƯƠNG IX

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 35. Xây dựng Quy chế về khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác.

HĐQT Công ty có trách nhiệm xây dựng quy chế về khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác.

Điều 36. Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và cán bộ quản lý

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên HĐQT, Giám đốc và Ban điều hành.
2. Trưởng BKS tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Kiểm soát viên.
3. Giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong Công ty trên cơ sở căn cứ và quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm

của từng bộ phận của toàn Công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 37. Khen thưởng

Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của HĐQT, BKS, Ban điều hành, Giám đốc trình HĐQT đề xuất khen thưởng đối với cá nhân và căn cứ vào Quy chế khen thưởng kỷ luật đối với thành viên HĐQT, KSV, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

Điều 38. Xử lý vi phạm, kỷ luật

1. Hàng năm căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của Pháp luật và của Công ty.
2. Thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ có hành vi vi phạm pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 39. Tiêu chuẩn người phụ trách quản trị Công ty

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 40. Bổ nhiệm người phụ trách Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 42. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

HĐQT có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của Pháp luật hiện hành. Người phụ trách quản trị Công ty bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không hoàn thành nhiệm vụ được phân công;
2. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của của Người phụ trách quản trị Công ty.
3. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

Điều 43. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Công ty thông báo về việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XI

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 44. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Công ty phải công

bổ đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện bảo đảm cổ đông và công chúng có thể tiếp cận công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 45. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
2. Công ty niêm yết có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 46. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
2. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:
 - Công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Hiệu lực của Quy chế và tổ chức thực hiện

- Quy chế này bao gồm 12 chương 47 Điều được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Máy –Thiết bị Dầu khí thông qua ngày Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế quản trị cũ của Công ty.
- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị của Công ty chưa đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều

khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số: **0046**/MTB - HDQT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **09** tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc: sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2016.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 95/2017/TT-BTC trong đó ban hành Điều lệ mẫu, Công ty đã tiến hành rà soát, đề xuất sửa đổi Điều lệ Công ty (Dự thảo kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HDQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH** *jeas*

Phạm Văn Hiệp

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	16
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	16
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	19

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	30
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	33
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	34
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	34
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	34
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	35
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	35
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	36
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	36
Điều 37. Kiểm soát viên	36
Điều 38. Ban kiểm soát	37
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	38
Điều 39. Trách nhiệm cân trọng	38
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	39
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	40
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	41
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	41

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	41
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	41
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	42
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	42
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	42
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	42
Điều 46. Năm tài chính.....	43
Điều 47. Chế độ kế toán	43
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	43
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	43
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	44
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	44
Điều 50. Kiểm toán.....	44
XVII. CON DẤU.....	45
Điều 51. Con dấu.....	45
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	45
Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....	45
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....	45
Điều 54. Thanh lý.....	45
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	46
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	46
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	46
Điều 56. Điều lệ công ty.....	46
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	47
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	47

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là Công ty) được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội tổ chức vào ngày ... tháng 4 năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Petrovietnam Machinery - Technology Joint Stock Company.

- Tên Công ty viết tắt: PVMACHINO

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 phố Tràng Thi, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà nội

- Điện thoại: + 84 - 024 - 38253703; + 84 - 024 - 38260344

- Fax: + 84 - 024 - 38254050

- E-mail: pvm@pvmachino.vn

- Website: <http://pvmachino.vn>

4. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một người đại diện theo pháp luật là: Giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất cấu kiện kim loại;	2511
2	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;	2512
3	Xây dựng nhà các loại;	4100
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;	4290
5	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
6	Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít;	20221

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;	27320
8	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;	27400
9	Sản xuất đồ điện dân dụng;	27500
10	Lắp đặt hệ thống điện;	432
11	Lắp đặt hệ thống lò sưởi, điều hòa không khí;	4322
12	Đại lý;	46101
13	Môi giới;	46102
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;	46591
15	Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);	46592
16	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	46595
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;	46599
18	Bán buôn phương tiện vận tải;	4659
19	Bán buôn đồ điện gia dụng;	46495
20	Bán buôn sơn, vecni;	46635
21	Bán buôn cao su;	46694
22	Bán buôn kim loại và quặng kim loại;	4662
23	Bán buôn sắt thép;	46622
24	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;	4663
25	Bán buôn hóa chất;	46691
26	Bán buôn hóa chất khác;	46692
27	Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	46697
28	Kinh doanh bất động sản;	68100
29	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;	46594
30	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
31	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;	4652
32	In ấn và các dịch vụ liên quan đến in;	181

STT	Tên ngành	Mã ngành
33	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;	52101
34	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;	33200
35	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;	95110
36	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;	9522
37	Sửa chữa máy móc, thiết bị;	3312
38	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;	3313
39	Sửa chữa thiết bị điện;	3314
40	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải;	3315
41	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, khách sạn;	5510
42	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;	5610
43	- Giao nhận hàng hóa; Giao hàng - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.	5229
44	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa;	5224
45	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771
46	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;	46530
47	- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 220kv, các công trình nguồn điện; - Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 110kv, các công trình nguồn điện; - Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 35kv, các công trình nguồn điện;	Điều 1-9- Quyết định số 32/2006/ QĐ-BCN ngày 06/9/2006
48	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;	43290
49	Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài;	
50	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;	6329
51	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;	8559

STT	Tên ngành	Mã ngành
52	Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;	7810
53	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;	8560
54	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;	4933
55	Kho bãi và lưu trữ hàng hoá;	5210
56	Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.		

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Tối đa hoá lợi nhuận;
- Tăng giá trị vốn góp của các cổ đông;
- Phát triển bền vững, mở rộng thị phần trong thị trường sản xuất, kinh doanh thiết bị điện và dầu khí Việt Nam;
- Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 386.386.000.000 VNĐ (Ba trăm tám mươi sáu tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 38.638.600 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí

liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán [các khoản tiền có liên quan] và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 12 % một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời

điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

(Các quyền đối với các loại cổ phần khác)

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.(Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác)

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin

tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông

tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ (5)% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay

sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi Đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là

cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

a. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ (51%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ

phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất [mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán

kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại

hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên

quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp

- ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Đối với công ty đại chúng chưa niêm yết Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty đồng thời phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty có ít hơn (05) năm người, công ty phải đảm bảo có một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

Đối với công ty niêm yết Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

- h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

- j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn

bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ

Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong

công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm căn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ

với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn

với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về Ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và

khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với Công ty niêm yết/Công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các Công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với Công ty niêm yết, Công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan

đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về

ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí nhất trí thông qua ngày ... tháng 4 năm 2018 tại Đại hội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.

BẢNG SO SÁNH ĐIỀU LỆ CÔNG TY HIỆN NAY VỚI ĐIỀU LỆ MẪU
VÀ DỰ KIẾN SỬA ĐỔI NĂM 2018

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY (HIỆN NAY)	ĐIỀU LỆ MẪU	GHI CHÚ
1	Bao gồm 22 chương và 60 điều	Bao gồm 21 chương và 57 điều	<p>Các thay đổi cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tách Điều 2 thành Điều 2 và 3 theo DL mẫu - Tách Điều 24 thành Điều 25 và 26 theo DL mẫu - Tách Điều 25 thành Điều 27 và 28 theo DL mẫu - Gộp Điều 26 và 27 thành Điều 29 theo DL mẫu - Thêm Điều 31 và Điều 32 theo DL mẫu - Bỏ Điều 32 trong DL cũ - Thay đổi Chương X thành Chương IX - Thêm Điều 37 theo DL mẫu - Thay đổi chương IX thành chương X theo DL mẫu - Bỏ Chương XI (gồm 4 điều) - Gộp điều 44 và 45 thành điều 44 theo DL mẫu - Bỏ điều 47 trong DL cũ - Thay đổi Điều 51 thành Điều 49 theo DL mẫu - Bỏ Điều 60 trong DL cũ.
2		<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Công ty có ... người đại diện theo pháp luật, bao gồm:.....</p>	<p>Điều lệ mẫu yêu cầu nêu số lượng người đại diện theo pháp luật và chức danh của họ. Điều lệ Công ty hiện tại thì không</p>

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY (HIỆN NAY)	ĐIỀU LỆ MẪU	GHI CHÚ
3	Khoản 2 - Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật	Khoản 2 - Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập: Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật	Điều lệ hiện tại chỉ đề cập đến việc tăng vốn điều lệ trong khi tại điều lệ mẫu có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ
4	Khoản 6 - Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần: Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại)..... Và văn bản hướng dẫn liên quan.	Khoản 7 - Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập: Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành... phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.	Điều lệ mẫu bỏ cụm từ (Kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại).
5	Khoản 7 - Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần: Cổ phần phổ thông chào bán cho đối tác chiến lược:.....		Điều lệ mẫu không quy định
6	Điều 6: Chứng chỉ cổ phiếu bao gồm <u>07 khoản</u>	Điều 7: Chứng nhận cổ phiếu bao gồm <u>04 khoản</u>	Điều lệ mẫu quy định rút gọn, loại bỏ phần liên quan đến chứng chỉ cổ phiếu vô danh và phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ.
7	Điều 8: Chuyển nhượng và thừa kế cổ phần	Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần	Điều lệ mẫu không đề cập đến thừa kế cổ phần trong điều này.
8	Điều 11: Quyền hạn của cổ đông gồm <u>06 điều khoản</u>	Điều 12: Quyền của cổ đông gồm <u>03 điều khoản</u>	Điều lệ mẫu lược các quy định liên quan đến quyền của nhóm cổ đông nhỏ (sở hữu ít nhất 1% số cổ phần liên tục trong 06 tháng).

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY (HIỆN NAY)	ĐIỀU LỆ MẪU	GHI CHÚ
9	Mục n - khoản 2 điều 14: Công ty hoặc chi nhánh ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>20% tổng giá trị tài sản của Công ty</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất	Mục n - khoản 2 điều 15: Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>35% tổng giá trị tài sản của Công ty</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất	Điều lệ mẫu quy định mức bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty. Trong khi đó Điều lệ Công ty quy định là bằng hoặc lớn hơn 20%.
10	Khoản 1 - Điều 16: Thay đổi các quyền. Các quyết định.....năm giữ ít nhất <u>75%</u> quyền biểu quyết của loại cổ phần đã phát hành loại đó	Khoản 1 - Điều 17: Thay đổi các quyền: Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền.....khi được cổ đông nắm giữ ít nhất <u>65%</u> cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất <u>65%</u> quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua	Điều lệ mẫu thay đổi tỉ lệ thông qua là 65% thay vì 75% so với Điều lệ Công ty.
11	Mục a Khoản 2 Điều 17: Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp ĐHĐCĐ;....	Mục a Khoản 2 Điều 18: Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn 5 ngày trước ngày gửi thông báo họp ĐHĐCĐ.	Điều lệ mẫu bổ sung điều kiện về thời gian lập danh sách cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ
12	Khoản 2 - Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá 03 người	Khoản 2 - Điều 20: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đôngSố thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	Điều lệ mẫu không quy định số thành viên của ban kiểm phiếu.

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY (HIỆN NAY)	ĐIỀU LỆ MẪU	GHI CHÚ
13	<p>Khoản 4 - Điều 19: ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì, trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT hoặc người được ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của ĐHĐCĐ,.....</p>	<p>Khoản 4 - Điều 20: Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp</p>	<p>Điều lệ mẫu thay đổi cách thức bầu chủ tọa ĐHĐCĐ khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt</p>
14	<p>Khoản 10 - Điều 19:Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <ol style="list-style-type: none"> điều chỉnh..... Đảm bảo an toàn..... Tạo điều kiện..... <p>Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi.....những hình thức lựa chọn khác</p>	<p>Khoản 9 - Điều 20: Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u>, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. <p><u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</u></p>	<p>Điều lệ mẫu Mở rộng phạm vi Người có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông so với quy định tại Điều lệ Công ty.</p>

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY (HIỆN NAY)	ĐIỀU LỆ MẪU	GHI CHÚ
15	Khoản 2 Điều 21: HĐQT phải chuẩn bị PYK, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định.....	Khoản 2 Điều 22: HĐQT phải chuẩn bị PYK, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét và biểu quyết và phải gửi ít nhất 15 ngày trước ngày hết hạn nhân PYK	Điều lệ mẫu bổ sung yêu cầu về thời gian HĐQT gửi PYK tới các cổ đông
16	Khoản 8 - Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 9 - Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <u>ít nhất [51%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</u> chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều lệ mẫu quy định điều kiện Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
17	Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông gồm 01 điều khoản	Điều 23: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông gồm 05 điều khoản	Điều lệ mẫu quy định bổ sung về việc biên bản họp có thể được lập bằng Tiếng Anh Biên bản họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24h

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY (HIỆN NAY)	ĐIỀU LỆ MẪU	GHI CHÚ
18	Khoản 2 - Điều 24: Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử (02) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) thành viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên	Khoản 2 - Điều 25: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị . Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Điều lệ mẫu quy định hoàn toàn mới so với Điều lệ Công ty
19		Mục f - Khoản 3 - Điều 26: cung cấp thông tin sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT.	Bổ sung thêm trường hợp thành viên HĐQT bị mất tư cách là thành viên HĐQT
20	Điều 27: Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế		Điều lệ mẫu không có điều khoản riêng như Điều lệ Công ty về thành viên Hội đồng Quản trị thay thế
21	Mục j - Khoản 4 - Điều 25: Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần	Mục I - Khoản 3 - Điều 27: Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong vòng 12 tháng	Điều lệ mẫu bổ sung thời hạn trong trường hợp công ty mua, thu hồi cổ phần
22	Điều 26: Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT	Điều 29: Chủ tịch HĐQT	Bỏ các nội dung liên quan đến Phó chủ tịch HĐQT

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY (HIỆN NAY)	ĐIỀU LỆ MẪU	GHI CHÚ
23	Khoản 2 - Điều 28: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị Các cuộc họp thường kỳ Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp <u>ít nhất bảy (07) ngày</u> làm việc.	Khoản 2 - Điều 30: Cuộc họp của Hội đồng Quản trị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp <u>ít nhất năm (05) ngày</u> làm việc trước ngày họp	Điều lệ mẫu quy định gộp thời hạn để CT.HĐQT triệu tập họp thường kỳ hay bất thường là 05 ngày thay vì 07 ngày so với Điều lệ Công ty hiện nay.
24	Khoản 4 - Điều 28: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị... phải được tiến hành trong thời hạn 15 ngày sau khi có đề xuất họp.	Khoản 4 - Điều 30: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị <u>trong thời hạn bảy (07) ngày</u> làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này	Điều lệ mẫu rút ngắn thời hạn triệu tập họp HĐQT xuống 07 ngày
25	Khoản 8 - Điều 28: Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định... không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ 2 trong <u>thời hạn 15 ngày</u> , kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.	Khoản 8 - Điều 30: Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai <u>trong thời hạn bảy (07) ngày</u> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất	Điều lệ mẫu rút ngắn thời hạn triệu tập họp HĐQT lần thứ 2 xuống 07 ngày
26		Điều 32: Người phụ trách quản trị Công ty	Điều lệ mẫu quy định điều khoản riêng về người phụ trách quản trị công ty.

STT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY (HIỆN NAY)	ĐIỀU LỆ MẪU	GHI CHÚ
27	<p>Điều 36: Thành viên ban kiểm soát: Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên vào BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử một thành viên, từ 30% đến dưới 65% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử hai thành viên, từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên</p>	<p>Điều 36: Ứng cử, đề cử kiểm soát viên: Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	Điều lệ mẫu quy định hoàn toàn mới so với Điều lệ Công ty
28	<p>Khoản 3 - Điều 37: Ban kiểm soát: Sau khi tham khảo ý kiến HĐQT, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định.....số lượng thành viên tham gia cuộc họp <u>tối thiểu là 02 người</u></p>	<p>Khoản 3 - Điều 38: Ban kiểm soát: Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có <u>từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên</u> trở lên dự họp.</p>	Điều lệ mẫu quy định số người tham gia cuộc họp từ 2/3 số thành viên BKS.